

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN BA BÈ - TỈNH BẮC KẠN

Bắc Kạn, tháng năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN BA BÈ - TỈNH BẮC KẠN

Ngày tháng năm 2025

Ngày ..09.. tháng ..6... năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Thịnh

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết của việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ba Bể.....	1
2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể.....	2
2.1 Căn cứ pháp lý.....	2
2.2. Cơ sở xây dựng, thông tin số liệu, tư liệu bản đồ.....	3
2.3. Các tài liệu khác	4
3. Mục tiêu, nhiệm vụ của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể.....	5
3.1. Mục tiêu.....	5
3.2. Nhiệm vụ	5
4. Bố cục báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025	6
PHẦN I	7
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	7
1. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	7
1.1. Điều kiện tự nhiên	7
1.1.1. Vị trí địa lý.....	7
1.1.2. Địa hình, địa mạo	7
1.1.3. Khí hậu	7
1.1.4. Thủy văn	8
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	9
1.2.1. Tài nguyên đất	9
1.2.2. Tài nguyên nước	9
1.2.3. Tài nguyên rừng.....	10
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản.....	11
1.2.5. Tài nguyên du lịch và nhân văn.....	11
1.2.6. Thực trạng môi trường.....	12
2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến sử dụng đất	12
2.1. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	14
2.1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp	14
2.1.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng cơ bản.....	15
2.1.3. Dịch vụ, thương mại và phát triển hợp tác xã	16
2.1.4. Quản lý tài nguyên, môi trường và khoáng sản.....	17
2.1.5. Lĩnh vực Văn hoá - Xã hội	17
2.1.6. Lĩnh vực nội chính.....	21
2.1.7. Thực hiện 03 Chương trình MTQG:	
2.2. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường	23
2.2.1. Thuận lợi.....	23
2.2.2. Những hạn chế và thách thức	23
PHẦN II	24
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	28

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp	28
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	28
2.2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024.....	28
Bảng 1: Diện tích, cơ cấu các loại đất theo kết quả thống kê đất đai.....	29
Bảng 2: Bảng tổng hợp công trình giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	30
Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể.....	34
2.2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	36
Bảng 4: Công trình, dự án dự hiện xong trong năm 2024.....	37
Bảng 5: Công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp kế hoạch năm 2025.....	39
Bảng 6: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Ba Bể trong năm 2024	42
Bảng 7: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	48
Bảng 8: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024	61
Bảng 9: Kết quả thu hồi đất năm 2024	61
2.2. Đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	63
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .	65
2.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2025	66
PHẦN III	67
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	67
1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất.	67
1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm 2025.	67
1.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai	69
1.3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư số 29 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm 2025.	71
1.4. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều 48 Thông tư số 29 theo loại đất đến đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	72
Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã	73
Bảng 11: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 và so sánh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ba Bể.....	75
2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.	97
3. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch	100

3.1. Đất nông nghiệp	100
3.2. Đất phi nông nghiệp	100
4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch	101
4.1. Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp.....	101
4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	101
4.3. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp.....	101
5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch 2025.	101
6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.....	101
6.1. Cơ sở tính toán.....	101
6.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	102
6.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	102
PHẦN IV	104
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	104
1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	104
2. Xác định các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	104
3. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất	105
4. Nhóm giải pháp khác.....	105
PHẦN V	106
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	106
1. Kết luận.....	106
2. Kiến nghị	106

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- UBND	Ủy ban nhân dân
- THCS	Trung học cơ sở
- THPT	Trung học phổ thông
- TNCN	Thu nhập cá nhân
- QSDĐ	Quyền sử dụng đất
- VLXD	Vật liệu xây dựng
- CT	Chi thị
- TW	Trung ương
- XDCB	Xây dựng cơ bản
- NTM	Nông thôn mới
- GDMN	Giáo dục mầm non
- BCĐ	Ban chỉ đạo

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Diện tích, cơ cấu các loại đất theo kết quả thống kê đất đai	29
Bảng 2: Bảng tổng hợp công trình giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	30
Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể.....	34
Bảng 4: Công trình, dự án dự hiện xong trong năm 2024	37
Bảng 5: Công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp kế hoạch năm 2025	39
Bảng 6: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Ba Bể trong năm 2024.....	42
Bảng 7: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024	48
Bảng 8: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024.....	61
Bảng 9: Kết quả thu hồi đất năm 2024.....	61
Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã.....	73
Bảng 11: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 và so sánh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ba Bể.....	75

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ba Bể

Đất đai là tài nguyên quý giá của Quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội, tổ chức các hoạt động phát triển kinh tế, dân sinh và an ninh, quốc phòng. Tại Khoản 1 Điều 54 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*”. Chính vì vậy quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả, tiết kiệm là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, là yếu tố quyết định sự phát triển một cách bền vững của nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu ổn định chính trị - xã hội.

Công tác Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đóng vai trò quan trọng đối với việc quản lý đất đai, thể hiện quyền của chủ sở hữu về đất đai; Luật Đất đai năm 2024 quy định rõ nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (*quy định tại Điều 60*). Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Kế hoạch sử dụng đất giúp Nhà nước thực hiện được quyền định đoạt về đất đai, nắm chắc quỹ đất, đảm bảo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa công tác quản lý đất đai ở các địa phương đi vào nề nếp. Đồng thời đảm bảo cho việc chủ động dành quỹ đất hợp lý cho phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ, khu dân cư.... góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Kế hoạch sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái. Vì vậy, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là cần thiết.

Tại khoản 8 Điều 21 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ cũng đã quy định về trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Đồng thời Tại khoản 9 Điều 21 Nghị định này quy định: “*Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được thực hiện như việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện quy định tại Điều này*”. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Văn bản số 817/UBND-NNTNMT ngày 07/02/2025 về việc khẩn trương hoàn thành việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

Từ những nội dung trên, căn cứ phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể tiến hành xây dựng “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn**” đảm bảo nguyên tắc kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Khoản 4, Điều 60 Luật Đất đai 2024.

2. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể

2.1 Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH13 ngày 13/6/2019;

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/02/2022 của Quốc hội về Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 về việc sắp xếp, sáp nhập, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024.

Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 24/4/2025 về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Kạn;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;
- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Văn bản số 2827/STNMT-ĐĐ ngày 11/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn về việc tiếp tục hướng dẫn lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

2.2. Cơ sở xây dựng, thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 500/QĐ- TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định 262/QĐ-TTg ngày 1/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung, cập nhật Kế hoạch thực hiện quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 755/QĐ-BNV ngày 22/9/2023 của Bộ nội vụ công nhận số lượng, chất lượng hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Bắc Kạn đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 12/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể;
- Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Các tài liệu khác

- Báo cáo số 834/BC-UBND ngày 14/12/2024 của UBND huyện Ba Bể về Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025.
- Niên giám thống kê năm 2023 huyện Ba Bể;
- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 huyện Ba Bể;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Ba Bể.
- Các văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;

3. Mục tiêu, nhiệm vụ của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể

3.1. Mục tiêu

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Đánh giá tình hình quản lý, hiện trạng, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của huyện Ba Bể.
- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến từng đơn vị hành chính các xã, thị trấn của huyện.
- Là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thủ tục về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 trên địa bàn huyện Ba Bể.
- Đề xuất việc khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu phát triển của các hoạt động kinh tế - xã hội trong năm 2025, đảm bảo hài hoà giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- Làm cơ sở để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

3.2. Nhiệm vụ

- Xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, các lợi thế và hạn chế của địa phương, làm cơ sở đề xuất phương án kế hoạch;
- Xây dựng phương án kế hoạch, xác định nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện đã được phê duyệt. Làm rõ những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong việc lập, thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước để thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được hoàn thiện và đạt hiệu quả cao hơn;
- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất, khai thác quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng có hiệu quả; xác định các loại đất cần thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đến từng đơn vị hành chính xã, thị trấn;
- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án sử dụng vào các mục đích quy định Luật Đất đai 2024 thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính xã, thị trấn.

4. Bộ cục báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Báo cáo: “Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể” ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kiến nghị gồm 4 phần chính sau:

Phần I: Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

Phần II: Phân tích hiện trạng sử dụng đất; Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Phần III: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025

Phần IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Ba Bể là huyện vùng cao của tỉnh Bắc Kạn, nằm trong khoảng 22^o27' đến 22^o35' vĩ độ Bắc và 105^o44' đến 105^o58' kinh độ Đông. Hiện huyện Ba Bể có 14 xã và 1 thị trấn.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Pác Nặm và tỉnh Cao Bằng.
- Phía Đông giáp huyện Ngân Sơn.
- Phía Nam giáp huyện Ba Bể và huyện Bạch Thông.
- Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang.

Trung tâm huyện Ba Bể nằm cách thành phố Bắc Kạn - trung tâm văn hoá kinh tế - chính trị của tỉnh 54 km về phía Bắc. Ngoài tuyến Quốc lộ 279 chạy qua huyện còn có các tuyến tỉnh lộ 253, 254, 257B, 258, 258B, các tuyến đường liên xã và đường liên thôn. Đây là những điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao kỹ thuật, giao lưu văn hoá... nhằm phát triển sản xuất nông lâm nghiệp nói riêng, phát triển kinh tế văn hoá xã hội của huyện Ba Bể nói chung trong hiện tại và tương lai.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện có địa hình đặc trưng miền núi cao, độ cao trung bình 600m so với mặt nước biển, nghiêng dần từ Đông - Bắc xuống Tây - Nam với 3 dạng địa hình phổ biến:

- *Địa hình núi đá vôi*: phân bố chủ yếu ở các xã Nam Mẫu, Quảng Khê, Thượng Giáo, Hoàng Trĩ với những dãy núi đá vôi cao trên 1.000m xen giữa các thung lũng hẹp tạo thành những vách dựng đứng, cheo leo. Độ cao phổ biến từ 600m-1000m, độ dốc trên 25^o. Là vùng núi cao, địa hình hiểm trở ít có điều kiện phát triển sản xuất nông nghiệp.

- *Địa hình núi đất*: chủ yếu ở các xã phía Nam, độ cao phổ biến 300 – 400m, độ dốc bình quân từ 20 – 40^o nhưng bị chia cắt bởi các khe suối, giao thông đi lại trong vùng rất khó khăn, là địa bàn có thể phát triển lâm nghiệp và nông – lâm kết hợp. Đây cũng là vùng có tiềm năng lớn về phát triển các loại cây ăn quả của huyện.

- *Địa hình thung lũng*: phân bố dọc theo sông suối, xen giữa các dãy núi cao (khu vực trung tâm huyện) có độ cao trung bình 200m - 300m, diện tích khoảng 10.000 ha, là địa hình cấu tạo nên các cánh đồng trồng lúa và hoa màu của các xã trong huyện.

Những kiểu địa hình trên tuy có gây khó khăn cho việc phát triển nông nghiệp hàng hoá, hình thành những vùng chuyên canh có lượng sản phẩm lớn cũng như việc đưa các tiến bộ khoa học vào sản xuất và tiêu thụ nông sản phẩm nhưng lại là điều kiện thuận lợi cho việc đa dạng hoá cây trồng và vật nuôi cho đồng bào các dân tộc trong huyện.

1.1.3. Khí hậu

Ba Bể có đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Khí hậu của huyện có những đặc trưng chủ yếu sau:

- *Nhiệt độ*: nhiệt độ trung bình hàng năm $23,70^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ trung bình cao nhất $28,7^{\circ}\text{C}$ vào tháng 7 - 8, nhiệt độ trung bình thấp nhất $16,6^{\circ}\text{C}$. Nhìn chung nhiệt độ phù hợp với các loại cây trồng nhiệt đới và á nhiệt đới.

- *Lượng mưa*: Lượng mưa trung bình năm 1.253 mm, cao nhất trung bình là 2.038 mm và thấp nhất trung bình 1.068mm. Mỗi năm có khoảng 130,5 ngày mưa nhưng phân bố không đều giữa các tháng trong năm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, tập trung nhiều vào các tháng 7 - 9, lượng mưa chiếm từ 80 - 85% lượng mưa cả năm; mưa lớn thường gây ra lũ lớn và lũ quét trên hệ thống sông suối ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương. Mùa lạnh có lượng mưa thấp, có tháng hầu như không mưa như tháng 11, 12 lượng mưa chỉ đạt 1,8 – 2mm.

- *Nắng*: Tổng số giờ nắng trung bình năm 1.500 giờ. Tháng có số giờ nắng cao nhất 242,4 giờ vào tháng 8, tháng có số giờ nắng thấp nhất là tháng 2 có 50,6 giờ.

- *Độ ẩm*: Độ ẩm không khí trung bình 84,6%, thấp nhất 75% vào tháng 12 - 11, cao nhất 91% vào tháng 6.

- *Lượng bốc hơi*: Lượng bốc hơi trung bình hàng năm 830 mm, thấp nhất 68,4 mm vào tháng 2 và cao nhất 85 mm vào tháng 4.

- *Gió, bão*: Ba Bể nằm sâu trong lục địa và được các dãy núi cao che chắn nên ít chịu ảnh hưởng của bão. Do ảnh hưởng của khí hậu địa hình thung lũng nên hướng gió chính là Đông - Bắc, Tây - Nam và Nam. Tốc độ gió trung bình 3,1 m/s, mạnh nhất là gió Tây - Nam vận tốc 31 m/s.

Ngoài ra trên địa bàn huyện hàng năm thường xuất hiện 80 - 90 ngày có sương mù, 35 - 37 ngày có mưa phùn, 45 - 50 ngày có giông và một số đợt sương muối.

Nhìn chung huyện Ba Bể có khí hậu thời tiết tương đối thuận lợi cho việc phát triển nền sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng đa dạng hoá cây trồng vật nuôi. Tuy nhiên do địa hình cao, độ dốc lớn, các tháng mùa hạ mưa lớn, mưa tập trung dễ gây lũ làm xói mòn, trượt lở đất dọc theo các sông và các sườn núi gây ngập úng ở các xã thuộc hạ lưu sông Năng (Bành Trạch, thị trấn Chợ Rã, Thượng Giáo, Khang Ninh, Cao Thượng, Nam Mẫu). Mặt khác mùa đông trời lạnh, thời tiết hanh khô, gây hạn hán đặc biệt ở vùng sâu và vùng núi đá vôi.

1.1.4. Thủy văn

Sông Năng bắt nguồn từ phần phía Nam của tỉnh Cao bằng (nhánh chính) và 1 nhánh phụ bắt nguồn từ phần phía Đông của dãy Phia Bjóoc theo hướng Đông - Tây, chảy qua các xã Mỹ Phương, Chu Hương, Yên Dương, Địa Linh và nhập với nhánh chính trên địa phận xã Bành Trạch, đi qua Thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo, xã Khang Ninh, sau đó nhận nước của suối Chợ Lèng rồi sang địa phận tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra Ba Bể còn có suối Chợ Lèng, Tả Han và Bó Lù đều chảy vào hồ Ba Bể. Suối Chợ Lèng bắt nguồn từ dãy núi Phia Bjóoc địa phận huyện Ba Bể chảy theo hướng Đông Nam - Tây Bắc qua địa bàn huyện Ba Bể trên địa phận các xã Đồng Phúc, Quảng Khê, Nam Mẫu. Đây là suối có lưu vực lớn nhất trên khu vực huyện.

Ngoài các sông, suối chính trên huyện còn có hàng trăm con suối lớn nhỏ, phân bố ở khắp các xã trong huyện.

Hệ thống sông suối này là nguồn nước chủ yếu của hồ Ba Bể, một danh lam thắng cảnh nổi tiếng của huyện Ba Bể nói riêng và vùng núi phía Bắc nói chung. Hồ Ba Bể có diện tích khoảng 500 ha, vừa có tính chất sông vừa có tính chất hồ. Hồ có độ sâu trung bình 15 - 20 m, chỗ sâu nhất là 30 m, chỗ nông cũng vào khoảng 9 - 10 m. Hồ có dung tích nước khoảng 75 triệu m³ và là nguồn nước quan trọng của hệ thống sông Gâm.

Nhìn chung hệ thống sông suối khá dày trực tiếp chi phối chế độ thủy văn của huyện, song các sông suối đa phần đều có đặc điểm chung là đầu nguồn có lòng hẹp, độ dốc lớn, thường gây ra lũ về mùa mưa và cạn kiệt nước vào mùa khô.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Tài nguyên đất đai của huyện Ba Bể được chia thành 7 nhóm đất chính:

- *Đất phù sa sông*: Nằm trên các khu vực có địa hình thấp, nơi tích tụ phù sa do xói mòn từ đồi núi theo 2 triền sông chính của huyện và phân bố dọc theo các triền suối thuộc lưu vực các nhánh sông Sông Năng tạo ra các cánh đồng nhỏ hẹp trong các thung lũng thuộc các xã Chu Hương, Mỹ Phương, Đồng Phúc, Thượng Giáo. Nhóm đất này tương đối thuần nhất về màu sắc có thành phần cơ giới từ cát pha đến thịt nặng, diện tích có thành phần thịt nhẹ đến trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất. Loại đất này có tỷ lệ chất dinh dưỡng cao, khả năng giữ màu, giữ ẩm tốt, ít bị xói mòn. Đây là các loại đất tốt nhất cho canh tác, phù hợp với nhiều loại cây trồng. Hiện loại đất này đang được sử dụng trồng lúa nước và các loại rau màu lương thực.

- *Đất phù sa ngòi suối*: Đất có thành phần cơ giới nhẹ, cấp hạt lớn, hạt thô, địa hình bậc thang, càng xa bờ càng nặng hơn, song chịu ảnh hưởng trực tiếp của địa hình, đá mẹ và độ che phủ thực vật xung quanh. Về thành phần hoá học, tỷ lệ mùn trong đất trung bình, đạm tổng số và dễ tiêu khá, đất có phản ứng chua, chất dinh dưỡng trung bình, tỷ lệ canxi trong đất thấp, lượng sắt, nhôm di động cao. Loại đất này thích hợp cho trồng lúa màu và cây công nghiệp hàng năm.

- *Đất dốc tụ trồng lúa nước*: Phân bố xen kẽ, rải rác ở khắp các đồi núi, chứa nhiều sỏi cát sắc cạnh, thành phần cơ giới thịt nhẹ, đôi khi tầng mặt là thịt trung bình. Đất có phản ứng chua, thiếu lân, nghèo chất dinh dưỡng.

- *Đất Feralit biến đổi do trồng lúa*: Đây là loại đất do khai hoang đồi tạo thành ruộng bậc thang để trồng lúa nước. Tầng đất mỏng, các chất đạm, mùn tổng số khá, lân, kali tổng số bình thường, các chất dễ tiêu nghèo, đất thường có độ pH cao. Do địa hình bậc thang nên khả năng giữ nước, giữ màu kém. Hiện nay loại đất này cơ bản được sử dụng để trồng lúa 1 vụ lúa, 1 vụ màu (ngô) hoặc bỏ hoang vụ xuân do bị hạn hán do không chủ động nước.

- *Đất Feralit nâu vàng phát triển trên phù sa cổ*: Phân bố rải rác ở ven sông suối của địa hình đồi núi thoải. Tầng đất dày (trên 1m) nhưng lại xuất hiện nhiều cuội sỏi trong tầng phẫu diện, đất tối xốp. Đất chua, nghèo, lượng nhôm di động trong đất cao, H^+ ảnh hưởng đến quá trình phân giải chất hữu cơ do vậy các chất dinh dưỡng nghèo.

- *Đất Feralit phát triển trên phiến thạch sét*: Có thành phần cơ giới nặng, đất phân bố tập trung, tầng đất dày hay mỏng và tỷ lệ mùn trong đất phụ thuộc vào mức độ che phủ của cây rừng, ở những vùng còn nhiều rừng phần lớn đất có tầng dày, tỷ lệ mùn khá và ngược lại. Phần lớn loại đất này nằm trên địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Loại đất này thích hợp cho phát triển lâm – nông nghiệp, trồng rừng ở những nơi tầng đất mỏng, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.

- *Đất Feralit vàng đỏ phát triển trên Granit*: Loại đất này chủ yếu phân bố ở độ cao 200 – 700 m, tầng đất từ trung bình đến dày nhưng có nhiều đá lộ đầu, thành phần cơ giới ở tầng mặt có tỷ lệ cát cao và nhiều cát thô, càng xuống dưới cát càng giảm dần, tỷ lệ sét tăng. Hàm lượng mùn cao, tốc độ phân giải chất hữu cơ chậm, đất có phản ứng trung tính, ít chua. Thích hợp cho phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả, cây lâm nghiệp.

Do kiến tạo địa chất, sự bồi đắp của các con sông, suối đã tạo cho Ba Bể những bồn địa, những thung lũng lòng máng, lòng chảo, đất đai khá màu mỡ thích hợp với việc trồng lúa, ngô, các loại rau, đậu, cây công nghiệp (lạc, đậu tương, mía...) và cây ăn quả (cam, quýt, chuối, hồng).

Nhìn chung đất đai của huyện rất phong phú với nhiều chủng loại và kiểu địa hình khác nhau, có điều kiện để phát triển đa dạng các loại cây trồng và vật nuôi.

1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt

Sông Năng và suối Chợ Lèng cùng hệ thống các suối, ao, hồ là nguồn cung cấp nước mặt chủ yếu cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên các sông suối đều là đầu nguồn nên lòng sông, suối nhỏ hẹp, độ dốc lớn, chênh lệch lưu lượng nước theo mùa rất lớn. Mùa khô lượng nước ít, thường hạn hán, ảnh hưởng đến sản xuất nông, lâm nghiệp. Hồ Ba Bể là nguồn nước mặt thiên nhiên rất lớn,

tuy nhiên do nằm trong khu vực thung lũng đá vôi của Vườn Quốc gia Ba Bể nên khả năng khai thác cho sinh hoạt và sản xuất hầu như không có, song lại là tiềm năng lớn cho phát triển du lịch của huyện.

- Nguồn nước ngầm

Huyện Ba Bể chưa có điều tra, khảo sát đánh giá đầy đủ về trữ lượng và chất lượng nước ngầm, nhưng qua khảo sát các giếng nước trong huyện cho thấy trữ lượng nước ngầm không lớn, có chất lượng tương đối tốt, nhưng ở sâu, điều kiện khai thác khó khăn.

Nhìn chung, nguồn cung cấp nước chủ yếu hiện nay của huyện là nước mặt song chất lượng chưa thật tốt. Mặt khác do tập quán sinh hoạt và sản xuất còn nhiều hạn chế gây ảnh hưởng đến chất lượng nước, cần phải xử lý làm sạch trước khi đưa vào sử dụng trong sinh hoạt. Đồng thời cần bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn sinh thủy.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Theo số liệu công bố hiện trạng rừng huyện Ba Bể năm 2023, diện tích đất có rừng của huyện là 57.927,00 ha. Độ che phủ rừng đạt 67,7%.

Rừng tự nhiên phân bố ở tất cả các xã với các loài cây bản địa và nhiều loài gỗ quý như Lát, Đinh, Lim, Sến, Táu, Dẻ,... Nhiều loại cây ôn đới cũng phát triển trên các đỉnh cao của dãy Phia Bjóoc. Trữ thảm rừng vườn quốc gia Ba Bể và khu vực núi cao của dãy Phia Bjóoc là rừng tự nhiên mật độ cao, thảm rừng của phần còn lại chủ yếu là rừng tái sinh, trữ lượng lâm sản thấp.

Diện tích rừng trồng ngày càng tăng với các loại cây phù hợp đặc điểm của địa hình như: mỡ, keo, hổi. Đặc biệt trong những năm gần đây được sự hỗ trợ của các chương trình, dự án trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc nhân dân đã chú ý nhiều đến việc trồng rừng, trồng cây ăn quả lâu năm, do đó thảm thực vật rừng ngày càng phát triển.

Về động vật: Nhiều loài động vật quý vẫn còn lưu giữ được như: voọc mũi hếch, khỉ, lợn rừng... Đặc biệt, Vườn Quốc gia Ba Bể là một di sản thiên nhiên quý giá với hệ thống rừng nguyên sinh trên núi đá vôi có tới 417 loài thực vật và 299 loài động vật có xương sống. Trong hồ vẫn còn 49 loài cá nước ngọt, trong đó có một số loài cá quý hiếm như cá chép kính, cá rầm xanh, cá chiên... Vườn Quốc gia Ba Bể với vùng lõi, vùng bảo tồn có diện tích 10.048 ha trên địa bàn các xã Thượng Giáo, Khang Ninh, Cao Thượng, Quảng Khê, Nam Mẫu, Hoàng Trĩ và xã Nam Cường huyện Ba Bể.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn huyện Ba Bể có một số loại khoáng sản như đá vôi là vật liệu xây dựng, cát sỏi trữ lượng chưa được đánh giá kỹ. Hiện trạng các mỏ như sau:

+ Mỏ đá vôi Lũng Điec, xã Bành Trạch, diện tích 3,2 ha (Giấy phép số 278/GP-UBND ngày 07/3/2013 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp);

+ Mỏ đá vôi Kéo Lạc Mò, xã Bành Trạch, diện tích 1,0 ha (Giấy phép số 1111/GP-UBND cấp ngày 3/07/2019 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp);

+ Khai thác cát sỏi khu vực Dài Khao - Phiêng Chi và Phố Cũ - Cao Linh, diện tích đã cấp phép 25,6 ha (Giấy phép số 2258/GP-UBND cấp ngày 13/12/2013 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp);

+ Khai thác cát sỏi khu vực Pác Châm xã Bành Trạch, diện tích 4,54 ha (Giấy phép số 1916/GP-UBND cấp ngày 23/10/2020 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp);

+ Mỏ đá vôi trắng Nà Hai, xã Quảng Khê, diện tích 17,5 ha. (Giấy phép số 783/GP-BTNMT cấp ngày 29/05/2012 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp).

1.2.5. Tài nguyên du lịch và nhân văn

Năm 2023, số nhân khẩu toàn huyện là 49.934 người, mật độ dân số khoảng 72,93 người/km². Trên địa bàn huyện Ba Bể có nhiều dân tộc sinh sống trong đó có 4 dân tộc chính, gồm dân tộc Tày, Kinh, Nùng và Dao, trong đó dân tộc Tày và dân tộc Kinh chiếm đa số. Ngoài ra ở huyện còn có một số dân tộc ít người khác như Sán Dìu, Mông.... Dân cư đô thị của huyện chủ yếu làm việc trong các công sở Nhà nước và dịch vụ thương mại; một số làm việc trong khu vực công nghiệp - xây dựng nhưng không lớn. Dân cư nông thôn chủ yếu làm việc trong khu vực nông - lâm nghiệp, dịch vụ sản xuất và buôn bán nhỏ.

Trong bối cảnh phát triển mới, nhân dân huyện Ba Bể vừa cố gắng gìn giữ, phát triển bản sắc văn hoá dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá hiện đại, phát huy các nghề truyền thống, vừa tiếp thu khoa học công nghệ hiện đại với óc sáng tạo, năng lực cải tiến, hình thành thêm nhiều ngành nghề, tạo ra cục diện mới trong phân công và sắp xếp lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho chính mình và cho toàn cộng đồng.

1.2.6. Thực trạng môi trường

Hiện nay, trên địa bàn huyện Ba Bể lượng rác thải phát sinh hàng ngày trên địa bàn là tương đối lớn, trung bình khoảng 16 tấn/ngày, chủ yếu là rác thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, chợ và các cơ sở công cộng, trong đó:

- Lượng chất thải rắn tại thị trấn phát sinh khoảng 4 tấn/ngày, lượng rác thải được thu gom và xử lý đạt khoảng 90%, số còn lại được người dân tự thu gom, xử lý.

- Lượng chất thải rắn phát sinh ở nông thôn tại các xã khoảng: 12 tấn/ngày; Lượng rác thải được thu gom, vận chuyển về điểm xử lý của huyện khoảng 20%, khoảng 35% được các hộ, gia đình tự thu gom và xử lý bằng cách đốt thủ công hoặc chôn lấp tại khuôn viên trong gia đình, số còn lại được các hộ gia đình thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

Trong thời gian gần đây công tác chỉ đạo đầu tư, xây dựng các công trình thu gom, xử lý rác cũng như tuyên truyền, vận động người dân thực hiện việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn luôn được UBND huyện quan tâm triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do nhận thức, ý thức của người dân về công tác

bảo vệ môi trường chưa cao nên phần lớn rác thải sinh hàng ngày thường được người dân trực tiếp xả ra sông, suối, các khe núi... làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến nguồn nước và nhất là hiện nay tại khu vực Hồ Ba Bể, mặc dù trong những năm qua UBND huyện đã quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện việc thu gom, xử lý rác thải tại các xã khu vực phía Tây (*khu vực đầu nguồn của hồ Ba Bể*). Nhưng do địa hình, giao thông không thuận tiện nên khó khăn cho công tác thu gom, vận chuyển rác tại các xã trên, do vậy rác thải của một số hộ gia đình sau khi sử dụng thường đem vứt ra sông khi mùa mưa lũ số rác thải này trôi dạt vào Hồ Ba Bể gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến việc phát triển du lịch của huyện

- Về công tác thu gom, xử lý rác thải tại địa phương: Ngày 17/11/2022, UBND huyện Ba Bể đã ban hành Quyết định số 3472/QĐ-UBND Về việc phê duyệt Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Ba Bể; tưới nước rửa đường nội thị tại thị trấn Chợ Rã; quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị và duy trì, chăm sóc cây xanh trung tâm huyện Ba Bể giai đoạn 2023- 2025. Theo đó:

+ Địa bàn thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt bao gồm 6 xã, thị trấn: Thị trấn Chợ Rã, các xã Địa Linh, Thượng Giáo, Khang Ninh, Nam Mẫu, Quảng Khê với 3.570 hộ, 14.194 khẩu, 403 hộ kinh doanh, 82 nhà nghỉ, 16 nhà hàng ăn uống, 4 chợ, 56 cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp, 24 trường học/điểm trường, 6 trạm y tế xã, 01 trung tâm y tế/bệnh viện, 6 điểm bưu điện, 1 bến xe.

+ Số lượng xe ép rác phục vụ cho công tác thu gom, ép, vận chuyển rác hiện nay chỉ có 01 xe; 101 xe đẩy rác, 40 thùng nhựa đựng rác HDPE, 51 thùng nhựa đựng rác loại 600L và thùng rác các loại do các tổ chức, cá nhân tự mua sắm, trên toàn tuyến thu gom có 53 điểm tập kết rác phân bố rải rác tại các xã, thị trấn.

- Về khu xử lý rác thải: Hiện nay trên địa bàn huyện có Công trình xử lý rác thải của huyện tại thôn Lũng Diệc, xã Bành Trạch đã hoàn thiện, đưa vận hành đưa vào sử dụng; Rác sau khi được tập kết về bãi sẽ thực hiện phân loại (hoặc phân loại từ nguồn), đối với rác khó phân huỷ như rác thải nhựa, các chất khó phân huỷ khác với khoảng 20% tổng khối lượng rác được thu gom sẽ được đốt bằng lò điện; đối với rác hữu cơ sẽ thực hiện chôn lấp xử lý.

Theo dự báo trong thời gian tới, số lượng các cơ sở sản xuất và chế biến nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch trên địa bàn tăng nhanh sẽ tiềm ẩn nguy cơ cho tình trạng ô nhiễm môi trường của huyện. Thay đổi thói quen sử dụng nhiều phân vô cơ và thuốc trừ sâu bừa bãi, hướng tới sử dụng phân vi sinh, hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, sản xuất nông nghiệp sạch để tránh ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại như một số xã chưa có nơi tập trung rác thải nên tình trạng vứt rác thải bừa bãi vẫn xảy ra làm cho một số diện tích đất bị ô nhiễm, hệ thống nghĩa địa của huyện chưa có quy hoạch, nằm rải rác trong khu dân cư cũng là nguồn gây ô nhiễm cho đất và nguồn nước. Cần có quy hoạch hệ thống nghĩa địa đi cùng với quy hoạch các điểm dân cư.

2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến sử dụng đất

2.1. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

(Nguồn: Báo cáo số 834/BC-UBND ngày 14/12/2024 của UBND huyện Ba Bể báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025)

2.1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Trong năm 2024, kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp nhìn chung ổn định, đảm bảo theo thời vụ, kế hoạch, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

a. Trồng trọt

Các địa phương tập trung chỉ đạo sản xuất vụ xuân và vụ mùa đảm bảo theo kế hoạch, lịch thời vụ. Diện tích cây lương thực có hạt 6.116,4/6.300 ha đạt 97,09% KH, bằng 97,24% so với cùng kỳ năm 2023; cây bí xanh thơm 171,2/150 ha, đạt 114% KH. Chỉ đạo thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, diện tích hiện có một số cây trồng theo Đề án như sau: Cây cam 58,04 ha (cho thu hoạch 37,29 ha), cây quýt 59,44 ha (cho thu hoạch 49,44 ha), cây hồng không hạt 238,99 ha (cho thu hoạch 137,72 ha), cây chuối 343,73 ha (cho thu hoạch 343,73 ha), cây chè 652,83 ha (cho thu hoạch khoảng 625,23 ha); cây dong riềng 133,68 ha. Chỉ đạo phát triển cây dược liệu với diện tích 30,53 ha tại các xã Đồng Phúc, Quảng Khê, Thượng Giáo, Mỹ Phương, Chu Hương.

b. Chăn nuôi

Tiếp tục phát triển đàn vật nuôi có thể mạnh theo hướng hàng hóa. Đàn đại gia súc hiện có 6.751 con, bằng 59% so với cùng kỳ năm trước; đàn lợn hiện có 16.013 con, bằng 47% so với cùng kỳ năm trước; đàn dê hiện có 6.380 con, bằng 156% so với cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm 206.992 con, bằng 78% so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm; sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng đạt 4.860/6.075 tấn đạt 80% kế hoạch.

Tổ chức tuyên truyền các hộ chăn nuôi che chắn, vệ sinh chuồng trại, tích trữ thức ăn trong những ngày giá rét. Tuy nhiên trong đợt rét đậm, rét hại đầu năm trên địa bàn huyện có 16 con trâu, bò tại xã Phúc Lộc và Bành Trạch bị chết. Tích cực triển khai công tác tiêm phòng định kỳ cho đàn vật nuôi. Trong năm phát hiện gia súc mắc bệnh tụ huyết trùng, lở mồm long móng tại một số xã. Đặc biệt dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 15/15 xã, thị trấn làm chết 6.497 con lợn với tổng khối lượng tiêu hủy là 229.262 kg; bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò xảy ra tại 4 xã (Hà Hiệu, Bành Trạch, Phúc Lộc, Chu Hương), với tổng số con mắc bệnh là 25 con (05 con chết và tiêu hủy với khối lượng 615 kg). Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác tổng hợp, lập hồ sơ hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do bệnh DTLCP, đến nay các xã, thị trấn đã chi trả, hỗ trợ xong theo quy định cho các hộ dân bị thiệt hại với tổng số tiền là 8.188.316.000 đồng.

Số lượng tổng đàn gia súc hiện Trong đó: Đàn trâu có 4.143 con, đàn bò có 2.411 con và đàn ngựa có 197 con. Đợt 1 năm 2024: Đối với trâu, bò tiêm vắc xin LMLM tiêm được 3.584/5.900 liều đạt 61%KH và vắc xin THT tiêm được 4.218/5.900 liều đạt 71,5%KH. Đối với đàn chó tiêm vắc xin Đại tiêm được 3.628/4.600 liều đạt 79%KH. Đợt 2(Tiến độ tính đến ngày 30/10/2024): Đối với trâu, bò tiêm vắc xin LMLM tiêm được 1.240/5.900 liều đạt 21%KH và vắc xin THT tiêm được 1.240/5.900 liều đạt 21%KH. Đối với đàn chó tiêm vắc xin Đại tiêm bổ sung được 212 liều, lũy kế đợt 1 năm 2024 được 3.840/4.600 liều đạt 83%KH. Đối với vắc xin VDNC trâu, bò: 1.535/2.014 liều đạt 76% liều đăng ký. Đối với vắc xin DTLCP trên đàn lợn người dân đăng ký tiêm với UBND xã được 100 con và dân tự mua về tiêm là 4.595 con.

Hiện đã công bố hết dịch bệnh trên địa bàn xã Yên Dương. Đối với các xã Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Địa Linh, Đồng Phúc, Khang Ninh, Thị trấn đã qua 21 ngày không phát hiện trường hợp dịch bệnh, hiện thẩm định điều kiện công bố hết dịch bệnh theo quy định.

Về thủy sản: Diện tích cá ao hiện có 126,83 ha; thể tích cá lồng có 2.618 m³ và diện tích nuôi cá tầm, cá hồi là 5.400 m², với sản lượng thủy sản đạt 270/359 tấn đạt 75% kế hoạch, bằng 113% so với cùng kỳ năm trước.

c. Lâm nghiệp

Là huyện vùng núi cao còn nhiều rừng và diện tích đất rừng khá lớn, đặc biệt trên địa bàn huyện có Vườn quốc gia Ba Bể, nên lâm nghiệp là một trong những thế mạnh của huyện. Diện tích đất lâm nghiệp của huyện năm 2023 là 57.927,00 ha, chiếm 84,60% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: rừng phòng hộ là 11.485,01 ha, rừng đặc dụng 8.760,41 ha, rừng sản xuất 37.681,58 ha. Công tác quản lý, bảo vệ rừng đã được các cấp các ngành quan tâm và chỉ đạo chặt chẽ nên đã không xảy ra hiện tượng phá rừng bừa bãi. Tổng diện tích trồng rừng giai đoạn 2020-2023 đạt 2.803,64 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 67,7%.

d. Lĩnh vực khác

Chỉ đạo các xã tiến hành sửa chữa, nạo vét kênh mương đảm bảo đủ nước để phục vụ cho sản xuất; Ban hành Phương án PCTT-TKCN năm 2024, đồng thời kiện toàn và phân công nhiệm các thành viên Ban chỉ huy PTDS, PCTT-TKCN, PCCC&CNCH huyện. Trong năm xảy ra nhiều đợt mưa to gây thiệt hại về nhà ở, hoa màu, vật nuôi, công trình phúc lợi trên địa bàn huyện. Đặc biệt do ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 3, gây ảnh hưởng nặng nề trên địa bàn huyện. Về nhà ở: 517 nhà bị hư hỏng, sạt lở, ngập nước, tốc mái; thiệt hại về nông lâm nghiệp: 578,794 ha cây trồng; 781 con gia súc, gia cầm bị chết; thiệt hại về thủy lợi: 9 công trình thủy lợi bị hư hỏng; 271 m kênh mương bị hư hỏng; thiệt hại về giao thông:

hơn 30.000 m³ khối đất đá bị sạt lở và nhiều thiệt hại khác. Ước tính tổng thiệt hại khoảng 253,514 tỷ đồng. Huyện đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện việc khắc phục thiệt hại sau bão; đồng thời tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ xét hỗ trợ thiệt hại về tài sản, hoa màu cho nhân dân kịp thời. Tổng kinh phí khắc phục thiệt hại: 6.997 triệu đồng, trong đó: kinh phí để khôi phục sản xuất nông nghiệp: 1.484 triệu đồng từ nguồn dự phòng NS tỉnh; khắc phục sạt lở sau nhà dân tại Tiểu khu 8, thị trấn Chợ Rã: 470 triệu đồng; hót đất sạt lở đường vào khu xử lý rác thôn Lũng Điec, xã Bành Trạch: 26 triệu đồng; hỗ trợ gia đình người có uy tín bị thiệt hại do bão số 3 và mưa lũ: 78 triệu đồng; sửa chữa khắc phục các công trình thủy lợi là: 1.347 triệu đồng; sửa chữa khắc phục công trình dân dụng: 2.000 triệu đồng; hỗ trợ về nhà ở: 1.592 triệu đồng.

Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm": Huyện đã tiến hành đánh giá xếp hạng 11 sản phẩm (trong đó có 05 sản phẩm mới và 06 sản phẩm đánh giá lại), kết quả công nhận 08 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 3 sao, đề nghị tỉnh công nhận 03 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 4 sao

2.1.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng cơ bản

a. Phát triển công nghiệp

Hoạt động công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp diễn ra ổn định. Trong năm 2023, thành lập mới 12 HTX. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 59 HTX (55 HTX đang hoạt động; 04 HTX tạm ngừng kinh doanh và không hoạt động), tăng 22 HTX so với năm 2020 (37 HTX). Cơ bản các HTX đang từng bước hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả tạo việc làm ổn định cho các thành viên, chú trọng thực hiện việc chuyển giao KHKT vào sản xuất sản phẩm sạch và an toàn góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa.

b. Xây dựng cơ bản

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công xây lắp các công trình đang thi công; tăng cường công tác kiểm tra giám sát các công trình XD CB; thực hiện giải ngân các nguồn vốn theo tiến độ phê duyệt. Tổng kế hoạch thực hiện giải ngân giai đoạn 2020-2023 như sau: năm 2020 giải ngân đạt 238.714 triệu đồng; năm 2021 đạt 92.312 triệu đồng; năm 2022 đạt 87.934 triệu đồng và năm 2023 đạt 76.473 triệu đồng.

2.1.3. Dịch vụ, thương mại và phát triển hợp tác xã

a. Dịch vụ, thương mại

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Các biện pháp quản lý thị trường, chống hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại được tăng cường, bảo đảm chất lượng hàng hóa. Trong năm 2023, qua kiểm tra, thăm nắm cơ quan quản lý thị trường phát hiện xử lý 23 vụ việc vi phạm hành chính trong kinh doanh, thu nộp ngân sách Nhà nước 31.382.000 đồng, giảm 1 vụ so với năm 2020 (24 vụ).

Dịch vụ vận tải phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Dịch vụ bưu chính, viễn thông ngày càng phát triển đồng bộ, hiện đại, chất lượng dịch vụ được nâng lên; các loại hình thông tin liên lạc, giao dịch điện tử bảo đảm, an toàn, thông suốt, kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

b) Về du lịch:

Hồ Ba Bể là một trong 46 khu du lịch quốc gia, đây là một trong những lợi thế của huyện. Thời gian qua, công tác phát triển du lịch từng bước được gắn với việc giữ gìn truyền thống văn hoá, lịch sử và phát triển cộng đồng. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, dịch vụ du lịch chưa trở thành động lực gắn kết và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương... Trong thời gian tới cần tiếp tục ưu tiên và dành nguồn lực để đầu tư, xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm thúc đẩy, phát triển dịch vụ du lịch Ba Bể.

Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch Ba Bể cũng như các giải pháp kích cầu du lịch. Từ năm 2021 đến năm 2023 số lượt khách du lịch đến với Ba Bể như sau: Năm 2021 đạt 20.520 lượt khách (*trong đó: Khách nội địa: 20.251 lượt; khách quốc tế: 269 lượt*), năm 2022 lượng khách đến với khu du lịch Ba Bể tăng khá cao đạt hơn 72 nghìn lượt khách, năm 2023, lượng khách đến với Ba Bể đạt 103.546 lượt, tăng 65.196 lượt so với năm 2020 (38.350 lượt).

2.1.4. Quản lý tài nguyên, môi trường và khoáng sản

Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) cho các hộ gia đình, cá nhân, thẩm định thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB), thuê đất, giao đất, quy hoạch đất theo quy định của pháp luật. Trong năm 2024, cấp 102 giấy CNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân; cấp 26 giấy chuyển mục đích sử dụng; đính chính 21 giấy CNQSDĐ cho hộ, gia đình, cá nhân; Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 08 công trình, dự án; ban hành kế hoạch tiến độ chi tiết, GPMB 03 công trình, dự án; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, GPMB; thu hồi đất: 21 công trình; phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư 02 công trình.

Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, liên tục. Thường xuyên chỉ đạo Tổ công tác liên ngành của huyện, UBND các xã kiểm tra việc hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn, thăm nắm tình hình hoạt động khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp trên địa bàn. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với 14 trường hợp về sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm đất. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn lập hồ sơ xử lý 02 trường hợp về hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Chỉ thị số 14-CT/HU ngày 28/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Ba Bể. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 19 lô đất tại khu sạt lở cao Tiểu khu 4, thị trấn Chợ Rã và 20 lô đất tại khu trung tâm Hạ tầng kỹ thuật thị trấn Chợ Rã. Kết quả đã tổ chức đấu giá thành công 17 lô đất với số tiền hơn 09 tỷ đồng. Hiện nay đang tiến hành đấu giá 14 lô đất thuộc Khu đất đã được GPMB (một phần GPMB đường QL279 và một phần GPMB dự án TĐC QL279 thị trấn Chợ Rã) và 02 lô đất thuộc quy hoạch khu dân cư Dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể.

2.1.5. Lĩnh vực Văn hoá - Xã hội

a. Giáo dục và đào tạo

Các trường học thực hiện tốt chương trình, kế hoạch năm học 2023 - 2024; tổ chức xét tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 theo đúng quy chế, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 100%; phối hợp tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT trên địa bàn, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97,48%; thành lập đoàn tham gia các hội thi, kỳ thi và đạt được kết quả tích cực. Chỉ đạo rà soát, thống kê thực trạng, nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất thiết bị trường học để chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025; tỷ lệ huy động học sinh vào đầu cấp mầm non đạt 62,86%, trong đó tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 39,11 %; tỷ lệ huy động học sinh vào đầu cấp tiểu học và THCS đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng là 8,93%, đạt chỉ tiêu đề ra (11%); công tác phổ cập giáo dục các bậc học (MN, Tiểu học) đạt 100%, bậc trung học (có 10/15 xã/thị trấn đạt chuẩn mức độ 3; 05/15 xã/thị trấn đạt chuẩn mức độ 2); có 15/15 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; sách giáo khoa của giáo viên và học sinh cơ bản đã được cung ứng đầy đủ.

Tiến độ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2024: Số trường đang xây dựng đạt chuẩn quốc gia: Có 03 trường (MN Mỹ Phương; MN Yên Dương, TH&THCS Yên Dương). Dự kiến đến cuối năm 2024 đạt chuẩn 01 trường (MN Yên Dương).

b. Y tế - Chăm sóc sức khỏe

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho nhân dân thường xuyên được duy trì, công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm. Tiếp tục duy trì 15/15 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, công tác quản lý ATTP, hành nghề y - dược tư nhân được triển khai thực hiện theo quy định. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đạt 10,6% đạt chỉ tiêu NQ đề ra. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến ngày 31/10/2024 đạt 91,4 % dự ước đến tháng 12 đạt 98%. Trong năm 2024, ngành y tế thực hiện khám bệnh cho 60.589 lượt người.

c. Văn hóa, Thể dục và Thể thao

Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao được triển khai thực hiện theo kế hoạch. Trong năm, huyện tổ chức thành công “*Lễ hội Lồng Tồng Ba Bể*”, tổ chức, hưởng ứng các hoạt động nhân dịp “*Tuần Văn hoá - Du lịch*” tỉnh Bắc Kạn năm 2024, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam; tham gia Ngày hội Văn hoá các Dân tộc Việt Nam tổ chức tại huyện Na Rì; tham gia các hoạt động trong Chương trình du lịch “*Qua những miền di sản Việt Bắc*” lần thứ XV năm 2024; tham gia Liên hoan dân vũ và nhảy flashmob tỉnh Bắc Kạn năm 2024... Các hoạt động thể dục thể thao diễn ra sôi nổi. Trong năm, huyện tổ chức thành công Ngày chạy Olympic và Giải Việt dã huyện Ba Bể lần thứ IX năm 2024; phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tổ chức giải đua xe đạp địa hình tỉnh Bắc Kạn mở rộng năm 2024, trải nghiệm Dù lượn và đua thuyền Kayak tại hồ Ba Bể trong Chương trình “*Qua những miền di sản Việt Bắc*”; phối hợp Tổ chức Giải chạy Hồ Ba Bể - Bắc Kạn mở rộng năm 2024 thu hút gần 1.000 vận động viên tham dự...

Thực hiện tốt phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, kết quả sơ bộ bình xét các danh hiệu văn hoá năm 2024 như sau: Số hộ gia đình đạt danh hiệu “*Gia đình văn hoá*” 90%; số thôn, tiểu khu đạt danh hiệu “*Khu dân cư văn hoá*” 88%; cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chí văn hóa 90,4%.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về công tác gia đình. Duy trì hoạt động các mô hình về phòng, chống bạo lực gia đình. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình; thực hiện phòng chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền các sự kiện, ngày lễ của địa phương, đất nước. Công tác phát thanh đảm bảo chất lượng, thời lượng phát sóng. Trang thông tin điện tử huyện cập nhật thường xuyên, kịp thời các thông tin, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo huyện.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao được duy trì sử dụng tốt tại các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông của cấp huyện, cấp xã): Trong năm tiếp nhận, giải quyết 5.932 hồ sơ (*trong đó giải quyết trực tuyến 2.663/5.932 hồ sơ, bằng 44,89%*).

d. Thông tin và truyền thông; chuyển đổi số

- Thông tin và truyền thông: Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các hoạt động chính trị, ngày lễ kỷ niệm, các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2024.

Đã xây dựng được 136 chương trình phát thanh; đưa tin, phản ánh các hoạt động được gần 1.500 tin, bài, phóng sự; phát 30 Chuyên mục chuyển đổi số, 18 chuyên mục xoá đói, giảm nghèo; 12 trang Truyền hình địa phương, 12 trang phát thanh địa phương phát trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn; xây dựng 12 phóng sự các sự kiện, hội nghị tại huyện.

- Chuyển đổi số: 100% các cơ quan, đơn vị của huyện có kết nối Internet băng thông rộng và có kết nối mạng LAN. Hoạt động viễn thông, Internet trên địa bàn huyện ngày càng ổn định, cơ sở hạ tầng viễn thông, Internet tiếp tục được đầu tư, củng cố, hộp thư điện tử công vụ đã được triển khai liên thông đồng bộ từ cấp huyện đến cấp xã, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của huyện hoàn toàn dưới dạng điện tử, ký số đúng quy định đạt khoảng 95%. Hiện nay 20/20 xã, thị trấn thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã; 227/227 thôn, tổ trên địa bàn huyện đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn, tổ và bước đầu đi vào hoạt động.

đ. Lao động – thương binh và xã hội

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo triển khai thực hiện công tác lao động việc làm và xuất khẩu lao động, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; trong năm 2024, tổng số lao động được tạo việc làm mới tại các doanh nghiệp trong nước là 1.020/1.000 lao động, đạt 102% KH; số lao động xuất khẩu 125/120 lao động, đạt 104% KH.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thăm tặng quà gia đình chính sách, người có công và thân nhân người có công với cách mạng và viếng nghĩa trang liệt sĩ nhân dịp tết nguyên đán Giáp Thìn năm 2024; chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới; bảo trợ xã hội và công tác trẻ em được chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả. Trong năm 2024: đưa vào cơ sở cai nghiện tập trung được 15/11 đối tượng, đạt 136,36% kế hoạch; tổ chức khám tổ chức khám sàng lọc cho trẻ theo kế hoạch; tiếp nhận, cấp phát hỗ trợ gạo cứu đói kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

Công tác giảm nghèo được tập trung chỉ đạo quyết liệt đến các cơ quan, đơn vị, xây dựng kế hoạch thực hiện, đẩy nhanh tiến độ các dự án thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, cận nghèo cuối năm 2024: Tổng số hộ nghèo 2.790/12.343 hộ, chiếm tỷ lệ 22,6%, giảm 1,62% so với đầu năm 2024; tổng số hộ cận nghèo 1.745/12.343 hộ, chiếm tỷ lệ 14,14%, tăng 0,05%; tổng số hộ thoát nghèo 307 hộ; tổng số hộ nghèo phát sinh trong năm 123 hộ.

- *Công tác Dân tộc, tôn giáo*: Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với đồng bào dân tộc đảm bảo đúng đối tượng theo quy định của nhà nước; chỉ đạo thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh, thăm ốm, tặng quà tết cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện lần thứ IV năm 2024, thành lập Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Kạn lần thứ IV năm 2024. Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật, phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên thăm nắm tình hình các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn.

2.1.6. Lĩnh vực nội chính

a. Công tác nội vụ

Công tác quản lý và giải quyết các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định. Giải quyết các chế độ chính sách cho 182 trường hợp là công chức, viên chức cấp huyện và 181 trường hợp là cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng và quyết định khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác; Quyết định khen thưởng cho 14 đơn vị, 29 hộ gia đình, 91 tập thể và 189 cá nhân; Quyết định tặng danh hiệu Lao động tiên tiến cho 47 tập thể; Quyết định tặng danh hiệu thi đua cho 859 cá nhân; Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho 82 tập thể, 245 cá nhân. Trình Chủ tịch UBND tỉnh: tặng Bằng khen cho 12 tập thể, 06 cá nhân; tặng Cờ thi đua cho 04 tập thể; tặng thưởng danh hiệu “*Tập thể lao động xuất sắc*” cho 22 tập thể; đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 cá nhân.

Thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2024 theo kế hoạch, xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Ba Bể. Tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính được 08/08 đơn vị. Tổ chức Cuộc thi Tìm hiểu CCHC huyện Ba Bể năm 2024.

- *Công tác thanh tra*: Công tác thanh tra, kiểm tra được quan tâm tổ chức triển khai thực hiện. Qua kết quả thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra những yếu kém, hạn chế và các sai phạm giúp các tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đất đai; đồng thời ngăn chặn kịp thời những tổ chức, cá nhân có hành vi sai phạm trong việc khai thác sử dụng đất; góp phần tăng cường kỷ cương và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- *Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, đề nghị của công dân*: Giải quyết các đơn đề nghị, kiến nghị của công dân và tổ chức các buổi tiếp công dân theo quy định. Trong năm 2024, các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã tổ chức được 141 lượt tiếp/149 người; tổng số đơn: 311 đơn/309 vụ việc, trong đó kỳ trước chuyển sang có 25 đơn/23 vụ việc, tiếp nhận trong kỳ có 286 đơn/286 vụ việc (*số đơn đã xử lý: 311 đơn; số đơn, số vụ việc đủ điều kiện xử lý: 311 đơn/309 vụ việc*).

- *Công tác phòng, chống tham nhũng*: Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 16-CT/HU ngày 28/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn huyện. Thanh tra huyện hoàn thành 02/02 cuộc kiểm tra hoạt động công vụ, cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực đối với đơn vị UBND xã Hà Hiệu và UBND xã Thượng Giáo. Hoàn thành 03/04 cuộc thanh tra về hoạt động thu, chi ngân sách Nhà nước và các khoản do nhân dân đóng góp trong năm 2023 đối với các đơn vị: UBND xã Mỹ Phương, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ; qua đó thu hồi nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 71.808.635 đồng do các đơn vị chi không đúng quy định và xem xét kiểm điểm trách nhiệm đối với 10 cá nhân có liên quan.

b. Công tác tư pháp

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn. Công tác chứng thực, hộ tịch được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục và thời hạn trả hồ sơ, thực hiện chứng thực 11.266 việc, hồ sơ (cấp huyện 257; cấp xã 11.009), lệ phí thu được 78.170.000 đồng. Công tác thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự luật định. Công tác theo dõi việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Công tác hòa giải ở cơ sở được quan tâm thực hiện, tiếp tục chỉ đạo rà soát, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, hòa giải viên ở cơ sở khi có sự thay đổi.

c. Công tác Quốc phòng, An ninh

* Quốc phòng: Tiếp tục duy trì nghiêm các chế độ trực SSSCĐ theo quy định, đặc biệt trong các dịp trọng điểm diễn ra các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm của Đảng, Nhà nước. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực, DQTV theo đúng kế hoạch, quân số tham gia huấn luyện cao, bảo đảm an toàn. Tỷ lệ tuyển quân đạt 100%.; Xây dựng kế hoạch diễn tập phòng thủ dân sự và diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ năm 2024: tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện đạt xuất sắc; tổ chức diễn tập phòng thủ tại xã Thượng giáo (đạt giỏi), xã Bành Trạch (đạt giỏi), tổ chức diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng tại xã Yên Dương (đạt giỏi).

* An ninh: Công an huyện tập trung đấu tranh quyết liệt, hiệu quả với các loại tội phạm. Đến tháng 11/2024, trên địa bàn huyện xảy ra 25 vụ, 25 đối tượng phạm tội về TTXH. Công an huyện phát hiện bắt quả tang 20 vụ, 22 đối tượng phạm tội về ma túy. Khởi tố 01 vụ án, 01 bị can phạm tội kinh tế; xảy ra 02 vụ, 02 đối tượng phạm tội về môi trường. Công an xã phát hiện, xử lý 47 vụ, 63 đối tượng, bắt quả tang 07 vụ, 07 đối tượng phạm tội “*tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thực hiện xử phạt VPHC các vụ việc vi phạm với số tiền 107,7 triệu đồng. Tổ chức lực lượng, phương tiện tuần tra, kiểm soát đảm bảo an toàn giao thông; phát hiện 607 trường hợp vi phạm, tạm giữ 502 phương tiện, phạt tiền 510 trường hợp số tiền 1.178 triệu đồng. Thực hiện tiếp nhận đăng ký phương tiện giao thông được 1.590 hồ sơ. Quan tâm thực hiện Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030*” trên địa bàn huyện; Trong năm 2024: Tỷ lệ giải quyết tin báo: $39/42 = 92,86\%$; Tỷ lệ điều tra khám phá án: $43/44 = 97,72\%$ (khám phá án rất nghiêm trọng: $05/05$ vụ = 100% ; tiếp nhận, xử lý chuyển Công an tỉnh $03/03$ vụ = 100% có tính chất đặc biệt nghiêm trọng).

2.2. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

2.2.1. Thuận lợi

Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế xã hội quyết liệt, có trọng tâm trọng điểm, có phân tích đánh giá kỹ tình hình để phân đầu thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đề ra trong kế hoạch, quan tâm giải quyết kịp thời các vướng mắc khó khăn của các doanh nghiệp; chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách, chống thất thu thuế, nợ đọng thuế, tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công các công trình, dự án trọng điểm. Các công trình xây dựng cơ bản từ các nguồn vốn đầu tư của Trung ương, của tỉnh, của huyện được triển khai thực hiện theo quy định, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích các nguồn vốn; sản xuất nông nghiệp đảm bảo, các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được quan tâm triển khai thực hiện, diện tích một số cây trồng chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng khác gắn với tiêu thụ sản phẩm mang lại giá trị kinh tế; công tác CCHC, giải quyết TTHC, xây dựng chính quyền phục vụ, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, các hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển; thu chi ngân sách của huyện được quản lý chặt chẽ, đúng quy định; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch Ba Bể cũng như các giải pháp kích cầu du lịch được quan tâm triển khai thực hiện thường xuyên. Các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, xã hội được đảm bảo, quan tâm và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho người dân, nhất là trong dịp tết Nguyên đán. Cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tiếp tục được duy trì. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững.

Duy trì nâng cao chất lượng phối hợp công tác với UBMTTQ huyện, Đảng ủy cơ quan chính quyền, các Ban Huyện ủy và HĐND huyện, LĐLĐ huyện và các đoàn thể để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, nhà nước đảm bảo sự lãnh đạo của Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy và HĐND huyện.

Tập thể UBND huyện đoàn kết thống nhất trong việc chỉ đạo điều hành, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện, nắm bắt thông tin và kiến nghị từ cơ sở để có phương án, biện pháp xử lý và giải quyết kịp thời đối với những vấn đề phát sinh, đặc biệt chủ động tham mưu đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy vấn đề mới, phức tạp.

2.2.2. Những hạn chế và thách thức

Tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG còn chậm, mục tiêu xây dựng nông thôn mới chưa về đích theo lộ trình kế hoạch: Một số cơ chế, chính sách còn chông chéo, chưa đồng bộ, nhất là các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, hướng dẫn thực hiện các chương trình MTQG...; một số bộ, ngành trung ương, tỉnh chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn kịp thời nên cấp cơ sở còn lúng túng trong triển khai thực hiện; trong năm có thiếu khuyến về nhân sự lãnh đạo UBND huyện; lãnh đạo, công chức, chuyên môn một số đơn vị bị đình chỉ công tác, tạm giam phục vụ điều tra...

- Một số nội dung, dự án của các Chương trình MTQG trong quá trình triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn như: các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do ảnh hưởng của bệnh Dịch tả lợn Châu phi.

- Công tác tuyên truyền trong nhân dân mặc dù được triển khai nhưng còn hạn chế. Công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức ở một số địa phương chưa được thường xuyên, một bộ phận người dân chưa nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác này nên hiệu quả chưa cao, người dân vẫn còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận người dân nông thôn còn thấp, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội còn nhiều bất cập; thiếu việc làm, thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

- Xây dựng nông thôn mới dựa trên nền tảng là phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, dịch vụ, ngành nghề nông thôn, tuy nhiên lĩnh vực này phát triển chưa đa dạng, quy mô nhỏ, phân tán, sử dụng nhiều công lao động, hiệu quả đầu tư thấp; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn và quá trình đô thị hóa nông thôn còn chậm. Trong giai đoạn 2022-2025, nhiều tiêu chí NTM quy định cao hơn so với bộ tiêu chí cũ. Điển hình như tiêu chí thu nhập, tăng theo từng năm; tiêu chí 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn,

đa số các xã không đạt, chỉ tiêu 13.3 về “Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương”. Chỉ tiêu này khó thực hiện đối với các xã do quy mô sản xuất nhỏ nên không thể đảm bảo về diện tích vùng nguyên liệu theo quy định; Đối với tiêu chí về số 9 về nhà ở dân cư, do đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nguồn vốn xây dựng nhà ở do nhân dân tự đầu tư còn gặp khó khăn nên tỷ lệ xã đạt tiêu chí thấp...

- Công tác chỉ đạo điều hành của một số đơn vị cấp xã còn hạn chế, lúng túng, chưa chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện do đó các hoạt động chỉ đạo, điều hành ở xã còn chung chung. Đội ngũ công chức chuyên môn nghiệp vụ làm nhiệm vụ tham mưu triển khai thực hiện ở cơ sở nhất là cấp xã còn thiếu và yếu, nhất là khâu theo dõi, tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình, phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề phát sinh từ thực tiễn.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể trong việc triển khai thực hiện còn thiếu chủ động. Ban chỉ đạo cấp huyện, cấp xã hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc chuyên sâu tìm hiểu các văn bản hướng dẫn còn hạn chế.

Về thu ngân sách: Tiến độ thu ngân sách còn chưa đạt theo kế hoạch, đặc biệt nguồn thu tiền sử dụng đất; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các người dân, doanh nghiệp vẫn còn khó khăn. Vốn đầu tư dành cho phát triển du lịch còn thấp, chưa thu hút được các dự án đầu tư quy mô lớn.

Về thu hút khách du lịch: Trong năm, lượng khách đến với Ba Bể tăng so năm trước đạt kế hoạch đề ra, công tác quy hoạch di tích danh lam thắng cảnh quốc gia đặt biệt Hồ Ba Bể và vùng phụ cận còn chậm, ảnh hưởng đến việc triển khai các hạng mục đầu tư và triển khai các nhiệm vụ, chưa có các điểm vui chơi giải trí cho du khách trải nghiệm, chưa có sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách nên chưa thu hút khách du lịch đến với Ba Bể.

Chỉ tiêu về an ninh: khám phá án nghiêm trọng, tỷ lệ số vụ tội phạm về trật tự xã hội, kiềm chế tai nạn giao thông một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch do phương thức thủ đoạn tội phạm tinh vi, nhất là tội phạm lợi dụng công nghệ cao, sử dụng mạng internet, công tác quản lý người nghiện nhất là đưa người nghiện đi cai tập trung để phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản còn vướng mắc do có sở cai nghiện không đáp ứng đủ số lượng; ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông của người dân còn hạn chế.

Về sản xuất nông, lâm nghiệp:

+ Thời tiết năm diễn biến phức tạp, khô hạn xảy ra ngay đầu vụ (tháng 1, 2) ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ sản xuất; trong tháng 4 và tháng 5,6,7 liên tục xảy ra các đợt mưa to, dông lốc gây thiệt hại đến sản xuất nông nghiệp; đặc biệt cơn bão số 3 xảy ra vào đầu tháng 9 năm 2024 đã làm hơn 563,77 ha lúa, ngô, hoa màu và

cây lâm nghiệp bị ảnh hưởng và thiệt hại; 9 công trình thủy lợi bị sạt lở, hư hỏng và nhiều vật nuôi bị chết, cuốn trôi; tổng giá trị thiệt hại ước tính 253.514 tỷ đồng.

+ Tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến việc mở rộng quy mô đàn vật nuôi; đặc biệt bệnh Dịch tả lợn Châu Phi bùng phát mạnh trở lại trên địa bàn huyện từ đầu năm đến ngày 29/10/2024 trên địa bàn huyện tiếp tục xuất hiện bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn 15/15 xã, thị trấn làm chết 6.461 con lợn với tổng khối lượng tiêu hủy là 227.867 kg.

Về thực hiện nhiệm vụ quy hoạch:

- Trong quá trình triển khai lập, thẩm định quy hoạch gặp khó khăn trong việc xác định quy mô, tính chất, phạm vi ranh giới lập quy hoạch, đặc biệt là các quy hoạch đô thị, các khu chức năng do thiếu quy hoạch cấp trên như Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch xây dựng vùng. Hiện nay mặc dù quy hoạch tỉnh đã phê duyệt nhưng công tác phê duyệt nhiệm vụ cũng như đề án cần phải cập nhật lại theo nội dung quy hoạch cấp trên đã phê duyệt, gây ảnh hưởng đến tiến độ lập quy hoạch trên địa bàn.

- Công tác tiến độ quy hoạch chung các xã triển khai chậm do các đơn vị chưa chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, năng lực của các đơn vị tư vấn còn yếu.

Về thực hiện chuyển đổi số:

- Các cơ quan, đơn vị và UBND các, xã thị trấn không có biên chế chuyên môn về CNTT, chủ yếu là công chức kiêm nhiệm nên còn hạn chế trong việc triển khai ứng dụng CNTT. Vẫn còn một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa tập trung, chú trọng chỉ đạo và triển khai thực hiện các nội dung về chuyển đổi số. Công tác thông tin tuyên truyền chưa kịp thời đổi mới, hình thức chưa phong phú dẫn đến hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền chưa thực sự hiệu quả.

- Kinh phí chi cho hoạt động, đầu tư cơ sở hạ tầng ứng dụng CNTT còn hạn hẹp nên chưa xây dựng được hệ thống mạng LAN chung, chưa đầu tư hệ thống tường lửa, giám sát truy cập trái phép bảo vệ mạng LAN để đảm bảo an toàn an ninh thông tin; Một số máy tính được trang bị từ lâu chưa được thay thế, nâng cấp kịp thời ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC trên môi trường mạng.

- Nhiều người dân và doanh nghiệp chưa biết và chưa thực sự quan tâm nhiều đến các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước nên tỷ lệ người dân biết và sử dụng DVC trực tuyến còn thấp; có tâm lý e ngại và chưa quen với việc gửi hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Việc người dân đăng ký tài khoản trên trang dịch vụ công quốc gia còn gặp nhiều khó khăn do một số người dân chưa đăng ký số điện thoại, mã định danh, căn cước công dân với các nhà cung cấp mạng nên không đăng ký được tài khoản, do đó việc TTHC phát sinh hồ sơ trực tuyến còn thấp

- Thanh toán không dùng tiền mặt vẫn phát sinh chi phí giao dịch, tuy nhiên theo thói quen nên đa số người dân vẫn ưu tiên sử dụng và thanh toán bằng tiền mặt. Tỷ lệ TTTC có phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến của nhiều đơn vị, địa phương còn thấp so với chỉ tiêu giao.

- Hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng chưa thực chất, chưa hiệu quả do các thành viên hoạt động kiêm nhiệm, một số chưa có kinh nghiệm, chưa thực sự tâm huyết và lúng túng trong triển khai nhiệm vụ

Về quản lý giao thông vận tải; trật đô thị, xây dựng, Tài Nguyên môi trường

Việc lấn chiếm đất, xây dựng trái phép, vi phạm hành lang giao thông xảy ra nhưng chưa được xử lý triệt để như: Lấn chiếm đất đai tại các xã Nam Mẫu, thị trấn, Thương Giáo... Tại khu vực Chợ Pác Co người dân lại bán hàng vi phạm HLAGT; tại khu vực công Trung tâm Y tế huyện, sau khi thực hiện phá dỡ các quán, nhà tạm, lát nền vỉa hè, hiện nay người dân lại tiếp tục dựng lán bán hàng gây mất mỹ quan đô thị. Tình trạng người dân lén lút thực hiện việc khai thác, vận chuyển cát, sỏi trái phép tại một số địa phương vẫn còn diễn ra.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, công trình phục vụ cho phát triển kinh tế, các tổ chức, cá nhân đã chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

+ Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện Ba Bể thực hiện công khai theo quy định về việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Trên cơ sở đó, UBND các xã, thị trấn đã ban hành các thông báo về việc công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

+ Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

+ Đẩy mạnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhất là đối với các dự án lớn trên địa bàn huyện.

- Các giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư:

+ Đôn đốc các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 bố trí nguồn vốn để thực hiện các dự án, công trình;

+ Tiếp tục vận động nhân dân hiến đất, góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, các khu vui chơi giải trí nông thôn,...

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Thực hiện Điều 9 Luật Đất đai năm 2024, Điều 4, 5, 6 của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, theo đó việc phân loại đất có sự thay đổi so với Điều 10 của Luật Đất đai năm 2013. Để công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP về phân loại đất cần tiến hành chuyển đổi mã loại đất theo Luật Đất đai năm 2013 sang Luật Đất đai năm 2024. Trong đó:

- Đối với chỉ tiêu sử dụng đất: Theo Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ có bổ sung thêm một số loại đất như: Đất chăn nuôi tập trung; đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai;... đồng thời hủy bỏ một số loại đất như: Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp, đất sinh hoạt cộng đồng, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm;... Qua quá trình điều tra, rà soát hiện trạng sử dụng đất năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể thực hiện chuyển đổi loại đất theo đúng quy định của pháp luật.

Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng diện tích tự nhiên của huyện Ba Bể là 68.468,17 ha, trong đó:

Bảng 1: Diện tích, cơ cấu các loại đất theo kết quả thống kê đất đai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+..	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		68.468,17	100.00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	64.894,81	94,78
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.518,76	5,14
1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.282,25	3,33
1.1.2	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	1.236,52	1,81
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.821,31	2,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.414,79	2,07
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.760,41	12,79
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.485,01	16,77
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.681,58	55,04
	<i>Trong đó: - Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	23.075,17	33,70
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	139,65	0,20
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	73,30	0,11
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2.511,74	3,67
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	430,23	0,63
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	31,29	0,05
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,30	0,02
2.4	Đất quốc phòng	CQP	58,34	0,09
2.5	Đất an ninh	CAN	0,78	0,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	85,20	0,12
2.6.1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	18,87	0,03

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+..	(5)
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,98	0,01
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	50,54	0,07
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,60	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	2,19	0,00
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	6,02	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	28,58	0,04
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,70	0,01
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,55	0,01
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	20,33	0,03
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.032,77	1,51
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	656,58	0,96
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	31,50	0,05
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	338,22	0,49
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	1,18	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,24	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,92	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,13	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,15	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,56	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	9,92	0,01
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	819,62	1,20
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	17,90	0,03
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	801,72	1,17
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+..	(5)
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.061,62	1,55
3.10	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	731,70	1,07
3.20	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	329,92	0,48
3.30	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
3.40	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

Bảng 2: Bảng tổng hợp công trình giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

STT	Hạng mục công trình, dự án	Địa điểm	Mã đất	Tổng diện tích (ha)	Ghi chú
I	Công trình, dự án có Quyết định giao đất			39,70	
1	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2)	Xã Khang Ninh, xã Quảng Khê	DGT	3,40	Quyết định số 2353/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
2	Xây dựng hạng mục di chuyển hệ thống điện dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2)	Xã Khang Ninh, xã Quảng Khê	DNL	0,02	Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
3	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Hạng mục đường giao thông)	Xã Hà Hiệu	DGT	2,82	Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn
4	Nhà trạm kiểm lâm Quảng Khê thuộc dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, tỉnh Bắc Kạn	Xã Đồng Phúc	TSC	0,01	Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn
5	Dự án thành phần số 02: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc - Kè bảo vệ bờ Sông Năng thuộc xã Thượng Giáo và thị trấn Chợ Rã (lần 1)	Thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo	DTL	2,61	Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
6	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn (lần 1)	Xã Đồng Phúc, Xã Phúc, Xã Hà Hiệu	DNL	0,04	Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
7	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn (lần 2)	Xã Phúc Lộc	DNL	0,02	Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023-2025 tại huyện Ba Bể	Xã Khang Ninh, xã Địa Linh	DCT	0,04	Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn

STT	Hạng mục công trình, dự án	Địa điểm	Mã đất	Tổng diện	Ghi chú
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tại huyện Ba Bể	Các xã Mỹ Phương, Quảng Khê, Phúc Lộc, Cao Thượng, Yên Dương	DCT	0,15	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
10	Vị trí lấy đất đắp thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	Thị trấn Chợ Rã	DGT	1,60	Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
11	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (lần 2)	Thị trấn Chợ Rã	DGT+ODT	1,77	Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
12	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể (lần 2)	Xã Nam Mẫu	DGT	0,22	Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn
II	Công trình, dự án có Quyết định thu hồi đất			44,85	
1	Công trình tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn thuộc địa phận huyện Ba Bể)	Các xã Quảng Khê, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu	DGT	43,33	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND huyện Ba Bể
2	San nền Trụ sở Công an xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Hà Hiệu	CAN	0,17	Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
3	San nền Trụ sở Công an xã Cao Thượng, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Cao Thượng	CAN	0,21	Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
4	San nền Trụ sở Công an xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Hoàng Trĩ	CAN	0,17	Quyết định số 3649/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
5	San nền Trụ sở Công an xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Phúc Lộc	CAN	0,10	Quyết định số 3648/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
6	San nền Trụ sở Công an xã Địa Linh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Địa Linh	CAN	0,34	Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
7	San nền Trụ sở Công an xã Khang Ninh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Khang Ninh	CAN	0,08	Quyết định số 3645/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể

STT	Hạng mục công trình, dự án	Địa điểm	Mã đất	Tổng diện	Ghi chú
8	San nền Trụ sở Công an xã Bình Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Bình Trạch	CAN	0,20	Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
9	San nền Trụ sở Công an xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Xã Thượng Giáo	CAN	0,25	Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
IV	Công trình, dự án thực hiện thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất			0,96	
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,02	Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Ba Bể
2	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Khang Ninh	ONT	0,02	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND huyện Ba Bể
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,03	Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện Ba Bể
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,02	Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của UBND huyện Ba Bể
5	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Khang Ninh	ONT	0,02	Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Ba Bể
6	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Khang Ninh	ONT	0,02	Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Ba Bể
7	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Khang Ninh	ONT	0,02	Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Ba Bể
8	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,02	Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND huyện Ba Bể
9	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,02	Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 của UBND huyện Ba Bể
10	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,02	Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 19/5/2024 của UBND huyện Ba Bể
11	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,02	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 19/5/2024 của UBND huyện Ba Bể
12	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,05	Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Ba Bể
13	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,02	Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Ba Bể

STT	Hạng mục công trình, dự án	Địa điểm	Mã đất	Tổng diện	Ghi chú
					Ba Bè
14	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,03	Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Ba Bè
15	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,06	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Ba Bè
16	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,05	Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Ba Bè
17	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,01	Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND huyện Ba Bè
18	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Đồng Phúc	ONT	0,01	Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND huyện Ba Bè
19	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,01	Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND huyện Ba Bè
20	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,04	Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 7/6/2024 của UBND huyện Ba Bè
21	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Mỹ Phương	ONT	0,12	Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 7/6/2024 của UBND huyện Ba Bè
22	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,01	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 7/6/2024 của UBND huyện Ba Bè
23	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,02	Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của UBND huyện Ba Bè
24	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,02	Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND huyện Ba Bè
25	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Phúc Lộc	ONT	0,01	Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 7/7/2024 của UBND huyện Ba Bè
26	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,01	Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND huyện Ba Bè
27	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,01	Quyết định số 3117/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Ba Bè
28	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,01	Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
29	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,02	Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện Ba Bè

STT	Hạng mục công trình, dự án	Địa điểm	Mã đất	Tổng diện	Ghi chú
30	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,02	Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
31	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,01	Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
32	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,01	Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
33	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,01	Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
34	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,03	Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
35	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,03	Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
36	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Thượng Giáo	ONT	0,02	Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện Ba Bè
37	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,01	Quyết định số 3516/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
38	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,02	Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 5/4/2024 của UBND huyện Ba Bè
39	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT	Thị trấn Chợ Rã	ODT	0,03	Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Ba Bè
40	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT	Xã Quảng Khê	ONT	0,03	Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Ba Bè

Việc đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024, chính là so sánh hiện trạng sử dụng đất năm 2024 với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt. Hiện trạng sử dụng đất hàng năm được thống kê vào cuối năm (Năm 2024, lấy mốc thời gian thống kê vào ngày 31/12/2024). Hiện trạng sử dụng đất đến tháng 12/2024 tổng hợp từ thống kê đất đai năm 2023 và các công trình, dự án, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích trong năm 2024. Theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Thống kê đất hàng năm căn cứ vào quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Căn cứ số liệu thống kê đất đai đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 và kết quả chuyển mục đích, giao đất, thu hồi đất trong năm 2024, hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của huyện Ba Bể được xác định như sau:

Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+..	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		68.468,17	100.00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	64.834,13	94,69
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.510,80	5,13
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2.277,18	3,33
1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.233,63	1,80
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.809,27	2,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.407,09	2,06
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.760,26	12,79
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.480,65	16,77
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.653,49	54,99
	<i>Trong đó: - Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>23.075,17</i>	<i>33,70</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	139,27	0,20
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	-	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	73,30	0,11
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2.573,33	3,76
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	430,77	0,63
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	31,49	0,05
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,27	0,02
2.4	Đất quốc phòng	CQP	58,34	0,09
2.5	Đất an ninh	CAN	2,30	0,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	85,12	0,12
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,87	0,03
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,92	0,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+..	(5)
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	50,54	0,07
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,60	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	2,19	0,00
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	6,00	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	28,46	0,04
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,70	0,01
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,43	0,01
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	20,33	0,03
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.094,92	1,60
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	716,26	1,05
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	33,85	0,05
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,19	0,00
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	338,22	0,49
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	1,18	0,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,32	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,85	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,05	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	-	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,15	0,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,56	0,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	9,91	0,01
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	817,04	1,19
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	17,90	0,03
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	799,14	1,17
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(6)+(7)+..	(5)
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.060,71	1,55
3.10	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	730,79	1,07
3.20	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	329,92	0,48
3.30	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
3.40	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-

Nguồn: - Kết quả thống kê đất đai năm 2023 – Phòng NN&MT huyện

- Kết quả điều tra, tổng hợp thực hiện trong năm 2024

- Các loại đất được tổng hợp theo quy định của thông tư số 08/2024/TTBTNMT ngày 31/7/2024.

a. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Năm 2024, trên địa bàn huyện Ba Bể có 64.834,13 ha đất nông nghiệp, chiếm 94,69 % diện tích tự nhiên, phân bố nhiều ở các xã Bình Trạch 5.602,94 ha; xã Phúc Lộc 6.167,16 ha; xã Quảng Khê 5.244,22 ha; xã Nam Mẫu 5.901,86 ha; xã Mỹ Phương 5.525,67 ha; xã Thượng Giáo 5.375,58 ha;...

b. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2024, huyện Ba Bể có 2.573,33 ha đất phi nông nghiệp, chiếm 3,76 % diện tích tự nhiên, phân bố nhiều ở các xã Nam Mẫu 223,25 ha; xã Thượng Giáo 222,38 ha; xã Khang Ninh 223,25 ha; xã Quảng Khê 185,64 ha; xã Đồng Phúc 174,19 ha; xã Bình Trạch 200,52 ha;...

c. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng

Năm 2024, trên địa bàn huyện Ba Bể còn 1.060,71 ha đất chưa sử dụng, chiếm 1,55 % diện tích tự nhiên, phân bố nhiều ở xã Đồng Phúc 164,40 ha và các xã Hoàng Trĩ 158,09 ha; xã Bình Trạch 155,8 ha; xã Thượng Giáo 107,96 ha; xã Quảng Khê 86,57 ha; xã Cao Thượng 67,99 ha;...

(Diện tích phân bố cho các xã chi tiết tại biểu 01/CH)

2.2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Đến nay, UBND huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến ngày 31/12/2024 như sau:

a) Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể đã được phê duyệt có 71 công trình, dự án cần thu hồi đất, giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Kết quả thực hiện như sau:

* Số công trình, dự án thực hiện xong là 12 công trình, cụ thể:

Bảng 4: Công trình, dự án dự hiện xong trong năm 2024

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	Ghi chú thực hiện
1	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2)	DGT	Xã Khang Ninh và xã Quảng Khê	Đã có QĐ giao đất
2	Xây dựng hạng mục di chuyển hệ thống điện dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2)	DNL	Xã Khang Ninh và xã Quảng Khê	Đã có QĐ giao đất
3	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Hạng mục đường giao thông)	DGT	Xã Hà Hiệu	Đã có QĐ giao đất
4	Nhà trạm kiểm lâm Quảng Khê thuộc dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, tỉnh Bắc Kạn	TSC	Xã Đồng Phúc	Đã có QĐ giao đất
5	Dự án thành phần số 02: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc - Kè bảo vệ bờ Sông Năng thuộc xã Thượng Giáo và thị trấn Chợ Rã (lần 1)	DTL	Thị trấn Chợ Rã và xã Thượng Giáo	Đã có QĐ giao đất
6	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn (lần 1)	DNL	Xã Đồng Phúc, xã Phúc Lộc và xã Hà Hiệu	Đã có QĐ giao đất
7	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Kạn (lần 2)	DNL	Xã Phúc Lộc	Đã có QĐ giao đất
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2023-2025 tại huyện Ba Bể	DCT	Xã Khang Ninh và xã Địa Linh	Đã có QĐ giao đất
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2022 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tại huyện Ba Bể	DCT	Xã Mỹ Phương, xã Quảng Khê, xã Phúc Lộc, xã Cao Thượng, xã Yên Dương	Đã có QĐ giao đất
10	Vị trí lấy đất đắp thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	DGT	Thị trấn Chợ Rã	Đã có QĐ giao đất
11	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (lần 2)	DGT+ODT	Thị trấn Chợ Rã	Đã có QĐ giao đất

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	Ghi chú thực hiện
12	Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể (lần 2)	DGT	Xã Nam Mẫu	Đã có QĐ giao đất

* Số công trình, dự án đề nghị loại bỏ là 10 công trình, cụ thể:

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	
1	Trạm BTS Chu Hương 2	DBV	Xã Yên Dương	Đã thực hiện xong
2	Trạm BTS Quảng Khê 2	DBV	Xã Quảng Khê	Đã thực hiện xong
3	Đường vào khu sản xuất Khuổi Hon và Nà Vè	DGT	Xã Bành Trạch	Làm trên nền cũ nên không thực hiện giải phóng mặt bằng
4	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn Chợ Rã	NTD	Thị trấn Chợ Rã	Bỏ do không bố trí được nguồn vốn
5	Đối với phần diện tích đã giải phóng mặt bằng đường QL279 đoạn qua thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo không sử dụng hết thực hiện theo phương án 1169 của UBND huyện	TMD	Thị trấn Chợ Rã	Bỏ do không bố trí được nguồn vốn
6	Xây dựng trạm trộn bê tông Asphalt công suất 80 tấn/giờ	SKX	Xã Bành Trạch	Bỏ do không có đầu ra của sản phẩm
7	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km16+300 - Km17+400; Km19+200 - Km20+200; Km21+100 - Km21+900; Km26+00 - Km26+200 và cải tạo đường cong đoạn Km29+100 - Km29+300 ĐT.253	DGT	Xã Bành Trạch	Làm trên nền cũ nên không thực hiện giải phóng mặt bằng
8	Đường sản xuất Khuổi Liên, xã Hà Hiệu	DGT	Xã Hà Hiệu	Làm trên nền cũ nên không thực hiện giải phóng mặt bằng
9	Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu xây dựng dự án sạt lở cao Tiểu khu 4	ODT	Thị trấn Chợ Rã	Bỏ do không thực hiện đấu giá
10	Khu tái định cư Tiểu Khu 1 (cũ), thị trấn Chợ Rã	ODT	Thị trấn Chợ Rã	Bỏ do trùng tên công trình, dự án

* Số công trình, dự án chưa thực hiện xong thu hồi và giao đất đề nghị chuyển tiếp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025: 49 công trình, dự án

Bảng 5: Công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp kế hoạch năm 2025

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Ghi chú thực hiện
1	Di chuyển Ban CHQS huyện Ba Bể	CQP	Thị trấn Chợ Rã	5,00			
2	Trụ sở Công an xã xã Chu Hương	CAN	Xã Chu Hương	0,11			
3	Trụ sở Công an xã xã Đồng Phúc	CAN	Xã Đồng Phúc	0,12			
4	Trụ sở Công an xã xã Quảng Khê	CAN	Xã Quảng Khê	0,07			
5	Trụ sở Công an xã xã Yên Dương	CAN	Xã Yên Dương	0,15			
6	Trụ sở Công an xã xã Mỹ Phương	CAN	Xã Mỹ Phương	0,10			
7	Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	SKC	Xã Chu Hương	5,00			
8	Xây dựng Hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể	DGT	Xã Quảng Khê, xã Nam Mẫu	0,29			
9	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải các thôn khu vực hồ Ba Bể	DRA	Xã Quảng Khê, xã Nam Mẫu	2,51			
10	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	DGT	Các xã: Đồng Phúc; Quảng Khê; Nam Mẫu; Hoàng Trĩ, Khang Ninh	60,73	49,87		
11	Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	DGT+ DCT	Xã Hà Hiệu	3,54	0,11		
12	Nhà văn hoá Yên Dương	DVH	xã Yên Dương	0,10			
13	Trường Mầm non Mỹ Phương (giai đoạn 2) huyện Ba Bể	DGD	xã Mỹ Phương	0,60			
14	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Ba Bể	TSC	Xã Thượng Giáo	0,26			
15	Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Pác Keng, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	SKS	Xã Thượng Giáo	3,06			
16	Cấp điện cho một số thôn, bản, cụm dân cư chưa có điện huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	DNL	Các xã: Phúc Lộc, Bành Trạch, Hà Hiệu, Thượng Giáo và Quảng Khê	0,17			
17	Cải tạo, CQT, giám bán kính cấp điện khu vực xã Yên Dương, Chu Hương, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba	DNL	Các xã: Yên Dương, Chu Hương và thị trấn Chợ Rã	0,03			

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Ghi chú thực hiện
	Bê						
18	Dự án thành phần số 02: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc - Kè bảo vệ bờ Sông Năng thuộc xã Thượng Giáo và thị trấn Chợ Rã	DTL	Xã Thượng Giáo	0,16			
19	Nhà văn hóa thôn Bjoóc Ve, xã Mỹ Phương	DVH	Xã Mỹ Phương	0,03			
20	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bê	DGT	Các xã: Khang Ninh, Quảng Khê	3,79	0,05		
21	Xây dựng cầu Cốc Phát và cải tạo đường tỉnh ĐT258B, tỉnh Bắc Kạn (đoạn Ba Bê - Pác Nặm)	DGT	Thị trấn Chợ Rã	0,01	1,10		
22	Đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Yên Dương, huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn	DYT	Xã Yên Dương	0,19			
23	Xây dựng mới Trường Mầm non Hà Hiệu huyện Ba Bê	DGD	xã Hà Hiệu	0,40			
24	Dự án khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Kéo Lạc Mỏ, xã Bành Trạch, huyện Ba Bê	SKS	Xã Bành Trạch	0,46			
25	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bê	DGT+ODT	Thị trấn Chợ Rã	0,42			
26	Mạch vòng Chu Hương - Hà Hiệu, lộ 371 trạm E 26.1	DNL	Các xã: Chu Hương, Hà Hiệu	0,15			
27	CQT, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Mỹ Phương, huyện Ba Bê	DNL	Xã Mỹ Phương	0,01			
28	Dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã và thôn Nà Mô, xã Địa Linh	TMD	Các xã, thị trấn: TT Chợ Rã, xã Địa Linh	0,10			
29	Mỏ đá vôi Lũng Phiêng Mặn, xã Thượng Giáo	SKS	Xã Thượng Giáo	0,98			
30	Dự án du lịch sinh thái Hoàng Trĩ	TMD	Xã Hoàng Trĩ	4,90			
31	Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	DGT	Xã Mỹ Phương, xã Quảng Khê	1,41	0,80		
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Cụm công nghiệp Chu Hương)	SKN	Xã Chu Hương	18,00			

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Ghi chú thực hiện
33	Xây dựng khu trung tâm hoạt động văn hóa thể thao huyện Ba Bể và các hạng mục phụ cận (giai đoạn 2)	DGT	Thị trấn Chợ Rã	0,63			
34	Đầu tư xây dựng khu dân cư tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể						
	<i>Đất ở khu dân cư (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	ODT	Thị trấn Chợ Rã	1,51			
	<i>Đất ở khu dân cư (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	ONT	Xã Thượng Giáo	1,60	0,30		
	<i>Trường mầm non (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	DGD	Thị trấn Chợ Rã	0,22			
	<i>Đất công trình hỗn hợp (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	TMD	Xã Thượng Giáo	0,84			
	<i>Đất nhà sinh hoạt cộng đồng (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	DVH	Thị trấn Chợ Rã	0,12			
	<i>Đất cây xanh, cảnh quan (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	DKV	Thị trấn Chợ Rã	1,53			
	<i>Đất cây xanh, cảnh quan (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	DKV	Xã Thượng Giáo	0,57			
	<i>Đất công trình giao thông (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	DGT	Thị trấn Chợ Rã	1,63			
	<i>Đất công trình giao thông (KDC thị trấn Chợ Rã)</i>	DGT	Xã Thượng Giáo	3,38			
35	Trụ sở Công an xã xã Thượng Giáo	CAN	Xã Thượng Giáo	0,25			
36	Trụ sở Công an xã xã Cao Thượng	CAN	Xã Cao Thượng	0,20			
37	Trụ sở Công an xã xã Địa Linh	CAN	Xã Địa Linh	0,36			
38	Trụ sở Công an xã xã Phúc Lộc	CAN	Xã Phúc Lộc	0,11			
39	Trụ sở Công an xã xã Hoàng Trĩ	CAN	Xã Hoàng Trĩ	0,15			
40	Trụ sở Công an xã xã Khang Ninh	CAN	Xã Khang Ninh	0,10			
41	Trụ sở Công an xã xã Hà Hiệu	CAN	Xã Hà Hiệu	0,11			
42	Trụ sở Công an xã xã Bành Trạch	CAN	Xã Bành Trạch	0,09			
43	Xây dựng khu trung tâm hoạt động văn hóa thể thao huyện Ba Bể và các hạng mục phụ cận (giai đoạn 2) đợt 3	DGT	Thị trấn Chợ Rã		0,57		
44	Đoạn đầu đường Khuổi Khún - Vằng Kheo, xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (đầu nối với	DGT	Xã Mỹ Phương		0,01		

STT	Hạng mục công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích kế hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Ghi chú thực hiện
	đường ĐT258)						
45	Khu tái định cư Khu Ban, xã Khang Ninh	ONT	Xã Khang Ninh		1,27		
46	Khu tái định cư để giải phóng mặt bằng Quốc lộ 279, địa phận thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bê (để thực hiện giao đất tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất)	ODT	Thị trấn Chợ Rã		1,00		
47	Đầu giá quyền sử dụng đất phần diện tích đã thu hồi giải phóng mặt bằng QL279 không sử dụng hết	ODT	Thị trấn Chợ Rã		2,58		
48	Đầu tư xây dựng khu dân cư tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bê (Đầu thầu)	ODT+ONT+DGD+DGT+TMD	Thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo		8,55		
49	Đầu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bê	ODT	Thị trấn Chợ Rã		0,25		

** Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024:*

Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Ba Bê trong năm 2024 là 1,00 ha, cụ thể như sau:

Bảng 6: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Ba Bê trong năm 2024

TT	Địa điểm thực hiện chuyển mục đích SDD	Mã đất	Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất (ha)					
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS
1	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ODT (Thị trấn Chợ Rã)	ODT	0,20	0,01		0,10	0,01	0,08	
2	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT (Xã Đông Phúc)	ONT	0,01	0,01					
3	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT (Xã Khang Ninh)	ONT	0,08	0,02		0,06			

TT	Địa điểm thực hiện chuyển mục đích SDD	Mã đất	Diện tích (ha)	Chuyển từ các loại đất (ha)					
				LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT (Xã Mỹ Phương)	ONT	0,12				0,12		
5	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT (Xã Phúc Lộc)	ONT	0,01	0,01					
6	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT (Xã Quảng Khê)	ONT	0,45			0,27	0,18		
7	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ONT (Xã Thượng Giáo)	ONT	0,13	0,02		0,11			

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024

Căn cứ số liệu thống kê đất đai năm 2023 và kết quả giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, thu hồi đất trong năm 2024 của huyện so với các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể cụ thể như sau:

Bảng 7: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha) (Thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023)	Diện tích được duyệt (ha) (QĐ số 2567/QĐ- UBND ngày 29/12/2023 và QĐ số 637/QĐ- UBND ngày 12/04/2024)	Kết quả thực hiện (Thống kê đất đai năm 2023+ Quyết định giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024)			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)- (4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)- (10)
	Tổng diện tích tự nhiên				68.468,17		100			
1	Đất nông nghiệp	NNP	64.894,81	64.644,32	64.834,13	-60,68	24,22	189,81	189,81	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.518,76	3.485,13	3.510,80	-7,96	23,66	25,67	25,67	
1.1.1	Trong đó: - Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2.282,25	2.263,30	2.277,18	-5,07	26,76	13,88	13,88	
1.1.2	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.236,53		1.233,63	-2,90	0,23	1.233,63	1.233,63	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.821,31	1.791,35	1.809,27	-12,04	40,19	17,92	17,92	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.414,79	1.384,85	1.407,09	-7,70	25,70	22,24	22,24	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.760,41	8.754,51	8.760,26	-0,15	2,56	5,75	5,75	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.485,01	11.474,39	11.480,65	-4,36	41,02	6,27	6,27	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.681,58	37.544,00	37.653,49	-28,09	20,42	109,49	109,49	
	Trong đó: - Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	23.075,17		23.075,17	0,00	0,00	23.075,17	23.075,17	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	139,65	136,80	139,27	-0,38	13,48	2,47	2,47	
1.8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	73,30	73,30	73,30	0,00	100,00			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.511,74	2.710,66	2.573,33	61,59	30,96	-137,33	-137,33	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng 2023 (ha) (Thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023)	Diện tích được duyệt (ha) (QĐ số 2567/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và QĐ số 637/QĐ-UBND ngày 12/04/2024)	Kết quả thực hiện (Thống kê đất đai năm 2023+Quyết định giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024)			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	Trong đó:		Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
						Diện tích (ha); Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		18,00				-18,00	-18,00	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,70	10,69	4,70			-5,99	-5,99	
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,55	8,55	3,43	-0,12	-2,40	-5,12	-5,12	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	20,33	2,39	20,33	0,00	-0,02	17,94	17,94	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.032,77	1.175,68	1.094,92	62,15	43,49	-80,76	-80,76	
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	656,58	793,99	716,26	59,68	43,43	-77,73	-77,73	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	31,50	34,47	33,85	2,35	79,12	-0,62	-0,62	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			0,19	0,19		0,19	0,19	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	338,22	338,11	338,22			0,11	0,11	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	1,18	3,59	1,18			-2,41	-2,41	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,24	1,58	1,32	0,08	23,35	-0,26	-0,26	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,92	0,89	0,85	-0,07	225,40	-0,04	-0,04	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,13	3,05	3,05	-0,08	104,76	0,00	0,00	

**** Đất nông nghiệp**

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt, diện tích đất nông nghiệp là 64.644,32 ha, kết quả thực hiện được 64.834,13 ha, diện tích chưa thực hiện được so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 189,81 ha. Kết quả năm 2024 mới thực hiện giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất được 60,68 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Phần lớn các công trình dự kiến chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp vẫn chưa thực hiện xong.

Cụ thể các loại đất nông nghiệp như sau:

- *Đất trồng lúa:* Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 3.485,13 ha, kết quả thực hiện được là 3.510,80 ha, diện tích chưa thực hiện được theo kế hoạch là 25,67 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng lúa chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch năm 2024, diện tích đất trồng lúa chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là 162,28 ha và chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 0,41 ha. Tuy nhiên trong năm 2024 mới chỉ thực hiện được 10,87 ha để thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2); Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Hạng mục đường giao thông); Dự án Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể (lần 2)...; chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở (thuộc xã Khang Ninh, xã Thượng Giáo). Một số công trình dự kiến thu hồi đất trồng lúa nhưng chưa thực hiện được như: San nền Trụ sở Công an xã Khang Ninh, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; San nền Trụ sở Công an xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn;... Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất trồng cây hàng năm khác:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1.791,35 ha, kết quả thực hiện được là 1.809,27 ha, diện tích chưa thực hiện được so với chỉ tiêu kế hoạch là 17,92 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch năm 2024, diện tích đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp là 24,37 ha. Tuy nhiên, trong năm 2024 mới thu hồi được 12,55 ha để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2); Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Hạng mục đường giao thông) ...; Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở được 0,51 ha (tại thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo, xã Quảng Khê, xã Khang Ninh). Một số nhu cầu chuyển mục đích của các hộ gia đình, cá nhân của các xã đăng ký chưa thực hiện được (xã Bành Trạch, xã Phúc Lộc, xã Đông Phúc,...).

Đồng thời, theo dự kiến trong năm 2024 diện tích đất trồng cây hàng năm khác tăng do chuyển mục đích từ đất trồng lúa và đất rừng sản xuất sang nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất trồng cây lâu năm:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1.384,85 ha, kết quả thực hiện được là 1.407,09 ha, diện tích chưa thực hiện được là 22,24 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch năm 2024, diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp là 9,34 ha. Tuy nhiên, trong năm 2024 mới thu hồi được 6,81 ha để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2); Dự án thành phần số 02: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc - Kè bảo vệ bờ Sông Năng thuộc xã Thượng Giáo và thị trấn Chợ Rã (lần 1)...; Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở được 0,31 ha (tại thị trấn Chợ Rã, xã Mỹ Phương, xã Quảng Khê). Một số nhu cầu chuyển mục đích của các hộ gia đình, cá nhân của các xã đăng ký chưa thực hiện được (xã Hoàng Trĩ, xã Phúc Lộc, xã Khang Ninh,...). Do đó, kết quả thực hiện không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất rừng phòng hộ:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 11.474,39 ha, kết quả thực hiện được là 11.480,65 ha, diện tích chưa thực hiện được là 6,27 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng phòng hộ chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch năm 2024, dự kiến chuyển đất rừng phòng hộ sang các mục đích phi nông nghiệp là 6,29 ha để thực hiện các công trình, dự án như Công trình tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn thuộc địa phận huyện Ba Bể);... nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện xong.

- *Đất rừng đặc dụng:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 8.754,51 ha, kết quả thực hiện được là 8.760,26 ha. diện tích chưa thực hiện được là 5,75 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng phòng hộ chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch năm 2024, dự kiến chuyển đất rừng phòng hộ sang các mục đích phi nông nghiệp là 5,75 ha để thực hiện các công trình, dự án như Công trình tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn thuộc địa phận huyện Ba Bể); Cấp điện cho một số thôn, bản, cụm dân cư chưa có điện khu vực xã Mỹ Phương, Phúc Lộc, Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn... nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện xong.

- *Đất rừng sản xuất*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 37.544,00 ha, kết quả thực hiện được 37.653,49 ha, diện tích chưa thực hiện được so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 109,49 ha. Nguyên nhân là do:

Trong năm kế hoạch 2024, dự kiến chuyển đất rừng sản xuất sang các mục đích phi nông nghiệp là 93,56 ha và chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 0,15 ha. Kết quả năm 2024 mới thực hiện thu hồi đất được 36,44 ha để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2); Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Hạng mục đường giao thông)... Một số công trình, dự án dự kiến thu hồi đất rừng sản xuất như Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Cụm công nghiệp Chu Hương);..... đến nay vẫn chưa thực hiện được. Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở được 0,08 ha (tại thị trấn Chợ Rã). Một số nhu cầu chuyển mục đích của các hộ gia đình, cá nhân của các xã đăng ký chưa thực hiện được (xã Phúc Lộc, xã Khang Ninh, xã Thượng Giáo)... Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 136,80 ha, kết quả thực hiện được là 139,27 ha, diện tích chưa thực hiện được so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 2,47 ha. Nguyên nhân diện tích chưa thực hiện được theo đúng kế hoạch là do trong năm kế hoạch dự kiến thu hồi để chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp 3,44 ha. Tuy nhiên, đến nay mới thu hồi được 0,49 ha để thực hiện công trình Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2). Các công trình dự kiến thu hồi đất nuôi trồng thủy sản trong năm 2024 đến nay vẫn chưa thực hiện được và do cập nhật kết quả thống kê 2023, chỉnh lý số liệu hiện trạng sử dụng đất phù hợp với thực tế. Vì vậy, kết quả không đạt theo như kế hoạch được phê duyệt.

- *Đất nông nghiệp khác*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 73,30 ha, năm 2024 thực hiện được là 73,30 ha. Trong năm kế hoạch, diện tích đất nông nghiệp khác không có biến động.

**** Đất phi nông nghiệp**

Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 2.710,66 ha, kết quả thực hiện được là 2.573,33 ha, đạt 30,96 % kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện được theo kế hoạch là 137,33 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất phi nông nghiệp chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp tăng 167,77 ha do chuyển từ đất nông nghiệp (162,68 ha) và đất chưa sử dụng (5,49 ha) sang. Tuy nhiên trong năm 2024 mới chỉ thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được 73,82 ha. Trong đó, chuyển từ đất nông nghiệp là 72,63 ha, đất chưa sử dụng là 1,19 ha. Một số công trình dự kiến thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện được và do kết quả thống kê đất đai năm 2023 đã cập nhật lại hiện trạng sử dụng đất phù hợp với thực tế sử dụng. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

Cụ thể các loại đất phi nông nghiệp như sau:

- *Đất ở tại nông thôn:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 435,92 ha, trong năm 2024 đã thực hiện được là 430,77 ha, diện tích chênh lệch là 5,15 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất ở tại nông thôn chưa thực hiện được theo kế hoạch là do: Kế hoạch năm 2024 dự kiến đất ở tại nông thôn tăng 37,10 ha do chuyển mục đích sử dụng đất từ các loại đất nông nghiệp sang để thực hiện các công trình và chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên đến nay mới thực hiện chuyển mục đích sử dụng của các hộ gia đình, cá nhân được 0,94 ha tại xã Thượng Giáo, xã Khang Ninh, xã Quảng Khê.....

Đồng thời, theo dự kiến trong năm 2024 diện tích đất ở tại nông thôn giảm 1,51 ha để thực hiện các công trình dự án nhưng đến nay mới thực hiện thu hồi được 0,29 ha để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể (lần 2); Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể (lần 2); ông trình tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn thuộc địa phận huyện Ba Bể). Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt.

- *Đất ở tại đô thị:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 33,19 ha, trong năm 2024 đã thực hiện được là 31,49 ha. Diện tích chưa thực hiện đúng theo kế hoạch được duyệt là 1,70 ha. Nguyên nhân do: Theo kế hoạch năm 2024 dự kiến đất ở tại đô thị tăng do chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang để thực hiện thực hiện các công trình và chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, đến nay mới thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất được 0,20 ha từ đất trồng trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất sang.

Đồng thời, theo dự kiến trong năm 2024 diện tích đất ở tại đô thị giảm 0,43 ha để chuyển sang đất công trình giao thông nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 11,69 ha, trong năm 2024 đã thực hiện được là 12,27 ha, diện tích chênh lệch là 0,58 ha. Theo kế hoạch 2024 đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng để thực hiện các công trình Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Ba Bể nhưng đến nay chưa thực hiện xong. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch.

- *Đất quốc phòng:* Theo kế hoạch được duyệt là 63,34 ha, trong năm 2024 đã thực hiện được là 58,34 ha. Diện tích chưa thực hiện đúng theo kế hoạch được duyệt là 5,00 ha.

Trong năm kế hoạch, dự kiến đất quốc phòng tăng để thực hiện công trình di chuyển Ban CHQS huyện Ba Bể. Tuy nhiên, công trình này đến nay vẫn chưa thực hiện được do không có vốn để thực hiện. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất an ninh*: Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt là 4,64 ha, trong năm 2024 đã thực hiện được là 2,30 ha. Diện tích chưa thực hiện đúng theo kế hoạch được duyệt là 2,34 ha. Trong năm kế hoạch dự kiến đất an ninh tăng 0,55 ha do thực hiện xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 – 2026 nhưng đến nay đến nay mới thực hiện thu hồi được 1,52 ha. Vì vậy, kết quả thực hiện không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 81,32 ha, kết quả thực hiện được 85,12 ha, giảm 0,08 ha so với hiện trạng thống kê đất đai năm 2023 (85,20 ha). Diện tích chưa thực hiện là 3,80 ha. Trong đó:

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 19,11 ha, năm 2024 thực hiện được là 18,87 ha, diện tích chênh lệch là 0,24 ha. Trong năm kế hoạch, dự kiến đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng do chuyển từ đất nông nghiệp và trong nội bộ nhóm đất phi nông sang. Nguyên nhân diện tích chênh lệch là do một số công trình vẫn chưa thực hiện được.

Đồng thời, theo dự kiến trong năm 2024 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hoá giảm để chuyển sang đất công trình giao thông và đất công trình xử lý chất thải nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 4,87 ha, năm 2024 thực hiện được là 4,92 ha, diện tích chênh lệch là 0,05 ha. Trong năm kế hoạch 2024, đất xây dựng cơ sở y tế giảm chuyển sang đất an ninh và đất công trình xử lý chất thải. Nhưng đến nay các công trình này vẫn chưa thực hiện xong. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 50,95 ha, năm 2024 thực hiện được là 50,54 ha, diện tích chênh lệch là 0,41 ha. Trong năm kế hoạch 2024, dự kiến đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng để thực hiện các công trình như Trường Mầm non Mỹ Phương (giai đoạn 2) huyện Ba Bể; Xây dựng mới Trường Mầm non Hà Hiệu huyện Ba Bể; Nhưng đến nay các công trình này vẫn chưa thực hiện xong. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch được duyệt.

Đồng thời trong năm 2024 đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm để thực hiện công trình Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 – 2025 và công trình hệ thống thu gom và xử lý nước thải các thôn khu vực hồ Ba Bể.... Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 2,69 ha, năm 2024 thực hiện được là 2,60 ha, diện tích chênh lệch là 0,09 ha. Trong năm kế hoạch đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao giảm để thực hiện công trình hệ thống thu gom và xử lý nước thải các thôn khu vực hồ Ba Bể đến nay chưa thực hiện xong. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch.

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 3,7 ha, năm 2024 thực hiện được là 6,00 ha, diện tích chênh lệch là 2,30 ha. Trong năm kế hoạch đất xây dựng công trình sự nghiệp khác giảm để thực hiện dự án bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách thôn Khuổi Luông, xã Khang Ninh, huyện Ba Bể đến nay chưa thực hiện xong. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch.

- *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 39,63 ha, kết quả thực hiện được 28,46 ha, Diện tích chưa thực hiện là 11,17 ha. Trong đó:

+ *Đất cụm công nghiệp*: Theo kế hoạch được duyệt là 18,00 ha, trong năm kế hoạch, dự kiến đất cụm công nghiệp tăng do chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang để thực hiện công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Cụm công nghiệp Chu Hương). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện xong. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

+ *Đất thương mại dịch vụ*: Theo kế hoạch được duyệt là 10,69 ha, trong năm 2024 đã thực hiện được là 4,70 ha, diện tích chênh lệch là 5,99 ha. Trong năm kế hoạch diện tích đất thương mại tăng ha do nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện không đạt theo như kế hoạch được duyệt

+ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 8,55 ha, trong năm 2024 thực hiện được là 3,43 ha. Trong năm kế hoạch diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng để thực hiện xây dựng nhà máy chế biến và sản xuất dược liệu thuộc dự án đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả không đạt theo như kế hoạch được phê duyệt.

- *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:* Theo kế hoạch được phê duyệt là 2,39 ha, trong năm 2024 thực hiện được là 20,33 ha. Diện tích chưa thực hiện đúng theo kế hoạch được duyệt là 17,94 ha. Nguyên nhân chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản chưa thực hiện được theo kế hoạch là do:

Trong năm kế hoạch 2024 dự kiến đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng để thực hiện khai thác một số mỏ khoáng sản như Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường khu vực Pác Keng, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn; Mỏ đá vôi Lũng Phiêng Mặn, xã Thượng Giáo;... Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được. Đồng thời thực hiện luật đất đai năm 2024 đã gộp đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm vào đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đồng thời xác định lại chỉ tiêu diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đúng với thực tế hiện trạng sử dụng. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt theo như kế hoạch được duyệt.

- *Đất sử dụng vào mục đích công cộng:* Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 1.175,68 ha, kết quả thực hiện được 1.094,92 ha, tăng 62,15 ha so với thống kê đất đai năm 2023 (1.032,77 ha). Diện tích chưa thực hiện là 80,76 ha. Trong đó:

+ *Đất giao thông:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 793,99 ha, năm 2024 thực hiện được là 716,26 ha, diện tích chênh lệch so với kế hoạch được duyệt là 77,73 ha. Nguyên nhân đất giao thông chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt là do:

Trong kế hoạch năm 2024, dự kiến đất giao thông tăng 88,00 để thực hiện các công trình như: Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang; Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể;... Tuy nhiên đến nay mới thực hiện được 80,10 ha do thực hiện công trình Bố trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (Hạng mục đường giao thông); Xây dựng hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể (lần 2)... Đồng thời trong năm 2024 đất giao thông mới giảm để thực hiện các công trình đất cây xanh, cảnh quan (KDC thị trấn Chợ Rã); Cấp điện cho một số thôn, bản, cụm dân cư chưa có điện khu vực xã Mỹ Phương, Phúc Lộc, Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn;... Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt.

+ *Đất thủy lợi:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 34,47 ha, năm 2024 thực hiện được là 33,85 ha, diện tích chênh lệch so với kế hoạch được duyệt là 0,62 ha. Trong kế hoạch năm 2024, dự kiến đất thủy lợi tăng để thực hiện Dự án thành phần số 02: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc - Kè bảo vệ bờ Sông

Năng thuộc xã Thượng Giáo và thị trấn Chợ Rã;.... Đồng thời, trong năm kế hoạch đất thủy lợi giảm để thực hiện các công trình tạo mặt bằng để tổ chức các hoạt động du lịch tại khu vực tổ chức lễ hội Lồng tồng, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt 338,11 ha, năm 2024 thực hiện được là 338,22 ha, diện tích chênh lệch là 0,11 ha. Trong năm kế hoạch 2024, dự kiến đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng để thực hiện công trình tạo mặt bằng để tổ chức các hoạt động du lịch tại khu vực tổ chức lễ hội Lồng tồng, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt 3,59 ha, năm 2024 thực hiện được là 1,18 ha, diện tích chênh lệch là 2,41 ha. Trong năm kế hoạch, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải tăng để thực hiện công trình hệ thống thu gom và xử lý nước thải các thôn khu vực hồ Ba Bể. Đồng thời, trong năm kế hoạch đất thủy lợi giảm để thực hiện công trình đất công trình giao thông (KDC thị trấn Chợ Rã). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt. Vì vậy, kết quả thực hiện không đạt được theo như kế hoạch trong năm 2024.

+ *Đất công trình năng lượng:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 1,58 ha, năm 2024 thực hiện được là 1,32 ha, diện tích chênh lệch là 0,26 ha. Trong năm kế hoạch, dự kiến đất công trình năng lượng tăng để thực hiện các công trình Dự án: Nâng cao năng lực vận hành đường dây 35kV liên kết 02 tỉnh Bắc Kạn - Cao Bằng; Cải tạo CQT, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Khang Ninh, Hoàng Trĩ, Quảng Khê, Hà Hiệu, Phúc Lộc, Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn năm 2025;.... Đồng thời, trong năm kế hoạch đất công trình năng lượng giảm để thực hiện dự án bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách thôn Khuổi Luông, xã Khang Ninh, huyện Ba Bể. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt.

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông:* Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 0,89 ha, năm 2024 thực hiện được là 0,85 ha, diện tích chênh lệch 0,04 ha. Trong năm kế hoạch, dự kiến đất công trình bưu chính, viễn thông giảm để thực hiện dự án tạo mặt bằng để tổ chức các hoạt động du lịch tại khu vực tổ chức lễ hội Lồng tồng, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt.

+ *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 3,05 ha, năm 2024 thực hiện được là 3,05 ha. Trong năm kế hoạch, diện tích đất chợ không có biến động.

+ *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng*: Theo kết quả kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã thực hiện tăng 2,10 ha thực hiện công trình Đất cây xanh, cảnh quan (KDC thị trấn Chợ Rã).

- *Đất tín ngưỡng*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 2,56 ha, năm 2024 thực hiện được là 2,56 ha. Trong năm kế hoạch, diện tích đất tín ngưỡng không có biến động.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 20,92 ha, năm 2024 thực hiện được là 9,91 ha. diện tích chênh lệch 11,01 ha. Trong năm kế hoạch, dự kiến đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm để thực hiện công trình Trường Mầm non Mỹ Phương (giai đoạn 2) huyện Ba Bể. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thực hiện được. Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch đã duyệt.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 814,70 ha, kết quả thực hiện được 817,04 ha, giảm 2,58 ha so với hiện trạng thống kê đất đai năm 2023 (819,62 ha). Trong đó:

+ *Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá*: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 17,90 ha, kết quả thực hiện được 17,90 ha. Trong năm kế hoạch diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá không có sự biến động.

+ *Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Diện tích theo kế hoạch được duyệt là 796,8 ha, kết quả thực hiện được 799,14 ha. Diện tích chưa thực hiện là 2,34 ha. Nguyên nhân theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt, trong năm 2024 diện tích đất sông, suối dự kiến giảm để thực hiện các công trình, dự án tuy nhiên đến hết năm 2024 vẫn chưa thực hiện được xong.

**** Đất chưa sử dụng**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt diện tích đất chưa sử dụng là 1.053,52 ha, trong năm 2024 thực hiện được là 1.060,71 ha, diện tích chênh lệch là 7,19 ha. Nguyên nhân chi tiêu đất chưa sử dụng thực hiện chưa đúng theo kế hoạch là do:

Theo kế hoạch 2024 dự kiến đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp, xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang. Tuy nhiên, kết quả thực hiện mới đưa được 1,19 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng để thực hiện các công trình, dự án.... Vì vậy, kết quả thực hiện trong năm 2024 không đạt được theo như kế hoạch được duyệt.

c. Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

Theo kế hoạch năm 2024 được duyệt, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp là 195,36 ha. Kết quả thực hiện như sau:

Bảng 8: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích chuyển mục đích theo KHSDĐ năm 2024 được duyệt	Diện tích chuyển mục đích đã thực hiện (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	195,36	72,63	37,18
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	28,71	10,93	38,07
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	30,20	13,06	43,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	15,90	7,12	44,78
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	10,62	4,36	41,05
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	5,90	0,15	2,54
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	101,04	36,52	36,14
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2,99	0,49	16,39
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN			
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN			

d, Kết quả thu hồi đất

Theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt, diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trên địa bàn huyện là 181,45 ha; diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 26,55 ha. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Bảng 9: Kết quả thu hồi đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích thu hồi theo KHSDĐ năm 2024	Diện tích đã thu hồi đất năm 2024 (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	181,45	39,10	21,55
1,1	Đất trồng lúa	LUA	26,66	6,39	23,97
1,1,1	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	18,55	4,43	23,88
1,1,2	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK</i>			
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	22,95	7,90	34,42
1,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	14,65	3,40	23,21

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích thu hồi theo KHSDD năm 2024	Diện tích đã thu hồi đất năm 2024 (ha)	Tỷ lệ (%)
1,4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10,62	4,36	41,05
1,5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5,90	0,15	2,54
1,6	Đất rừng sản xuất	RSX	97,85	16,59	16,95
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1,7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,82	0,31	10,99
1,8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
1,9	Đất nông nghiệp khác	NKH			
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	26,55	4,55	17,14
2,1	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,23	0,21	9,42
2,2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,64		
2,3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,98	0,04	4,08
2,4	Đất quốc phòng	CQP			
2,5	Đất an ninh	CAN			
2,6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN			
2,6,1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	0,03		
2,6,2	<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	<i>DXH</i>			
2,6,3	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	0,13	0,06	46,15
2,6,4	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	0,29		-
2,6,5	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>	0,01		
2,6,6	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>			
2,6,7	<i>Đất xây dựng cơ sở môi trường</i>	<i>DMT</i>			
2,6,8	<i>Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn</i>	<i>DKT</i>			
2,6,9	<i>Đất xây dựng cơ sở ngoại giao</i>	<i>DNG</i>			
2,6,10	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>DSK</i>			
2,7	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	CSK			
2,7,1	<i>Đất khu công nghiệp</i>	<i>SKK</i>			
2,7,2	<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>SKN</i>			
2,7,3	<i>Đất khu công nghệ thông tin tập trung</i>	<i>SCT</i>			
2,7,4	<i>Đất thương mại dịch vụ</i>	<i>TMD</i>			
2,7,5	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>SKC</i>			
2,7,6	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>SKS</i>			
2,8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC			
2,8,1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	16,90	3,99	23,61

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích thu hồi theo KHSDD năm 2024	Diện tích đã thu hồi đất năm 2024 (ha)	Tỷ lệ (%)
2,8,2	Đất thủy lợi	DTL	0,25	0,07	28,00
2,8,3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
2,8,4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2,8,5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD			
2,8,6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,03		
2,8,7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL			
2,8,8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,03	0,03	100,00
2,8,9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,08		
2,8,10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV			
2,9	Đất tôn giáo	TON			
2,10	Đất tín ngưỡng	TIN			
2,11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD			
2,12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC			
2,12,1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC			
2,12,2	Đất có mặt nước chuyên dùng	SON	4,95	1,20	24,24
2,13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			

e, Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Theo kế hoạch được duyệt trong năm 2024 dự kiến đưa 5,98 ha vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện là 0,59 ha, đạt 9,87% so với chỉ tiêu được duyệt. Đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng để thực hiện các dự án sau:

- Công trình tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang (Đoạn thuộc địa phận huyện Ba Bể): 0,56 ha;
- San nền Trụ sở Công an xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: 0,01 ha;
- San nền Trụ sở Công an xã Cao Thượng, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: 0,01 ha;
- San nền Trụ sở Công an xã Bình Trách, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: 0,01 ha;

g, Đánh giá kết quả thực hiện việc thu chi từ đất năm 2024

** Kết quả thực hiện việc thu liên quan đến đất đai năm 2024*

(Nguồn: Tổng hợp từ chi cục thuế Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm)

Theo kế hoạch được duyệt dự kiến các khoản thu liên quan đến đất đai là 41.819,01 triệu đồng, kết quả thực hiện là 18.840,1 triệu đồng, trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất: 17.330,2 triệu đồng;
- Thuế thu nhập từ chuyển quyền SDD (Thuế TNCN): 1.142,7 triệu đồng;
- Thu lệ phí trước bạ từ đất: 367,2 triệu đồng.

** Kết quả thực hiện việc chi liên quan đến đất đai trong năm 2024*

Theo kế hoạch được duyệt dự kiến các khoản chi liên quan đến đất đai là 57.843,15 triệu đồng, kết quả thực hiện là: Chi cho công tác lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025: 1.094,3 triệu đồng;

Như vậy, kết quả thực hiện việc thu chi từ đất chưa thực sự sát với kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Nguyên nhân: do dự kiến thu chi từ đất trong kế hoạch sử dụng đất chỉ giả định dựa trên bảng giá và các văn bản hướng dẫn tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Ngoài ra, việc chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân cũng chưa thực hiện được theo như kế hoạch đã phê duyệt. Chính vì vậy trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ba Bể cần có những tính toán và dự kiến sát thực hơn nữa các khoản thu chi từ đất đai để đảm bảo công tác quản lý Nhà nước về đất đai được hiệu quả hơn.

2.2. Đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.2.1 Kết quả đạt được

- Kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt đã tổ chức công bố công khai theo quy định. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai đến các địa phương.

- Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp đã góp phần thực hiện các mục tiêu chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến nông lâm sản ...

- Cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Các công trình phúc lợi công cộng được đầu tư xây dựng, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao về mọi mặt. Quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội ổn định.

- Chủ động dành quỹ đất cho phát triển các ngành, các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng cụm công nghiệp, các khu du lịch và dân cư. Góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội trên địa bàn huyện.

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp huyện, cấp xã. Đảm bảo sử dụng đất tiếp kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2.2 Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế, các dự án đầu tư chậm triển khai thực hiện do thiếu vốn.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện đều đạt thấp hoặc chưa thực hiện được theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Việc dự báo về nhu cầu quỹ đất cho các mục đích sử dụng, nhất là đất cho phát triển hạ tầng, phát triển công nghiệp,... chưa sát với thực tế. Do đó, một số chỉ tiêu kế hoạch thực hiện chậm, phải điều chỉnh diện tích đất nhiều lần dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

Một số dự án được triển khai thực hiện nhưng công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn. Việc chậm trễ thu hồi, giải phóng mặt bằng làm giảm đi hiệu quả của việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Một số dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng cần phải được chấp thuận của nhiều cấp, ngành nên thời gian hoàn thành thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất thường kéo dài, dẫn đến nguyên nhân chậm tiến độ thực hiện.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Do những nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến một số dự án thực hiện chưa có trong kế hoạch nên phải thực hiện đăng ký bổ sung, dẫn đến làm thay đổi các chỉ tiêu sử dụng đất.

- Nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân lớn, tuy nhiên một số hộ gia đình, cá nhân có tâm lý đăng ký để sang năm tiếp theo khi người dân bố trí được kinh phí sẽ thực hiện thủ tục chuyển mục đích đất trong năm, nhưng một số trường hợp không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định nên không thực hiện được, do đó góp phần kết quả thực hiện trong năm chưa đạt theo mục tiêu đề ra.

- Các công trình, dự án khi chủ đầu tư đăng ký nhu cầu sử dụng đất chưa được đo đạc, trích đo chính xác mà chỉ xác định, đăng ký theo diện tích dự kiến (dự kiến các loại đất thu hồi thường lớn, nhưng khi thực hiện thu hồi không đạt diện tích như dự kiến đăng ký kế hoạch sử dụng đất) cũng dẫn đến việc các chỉ tiêu thực hiện chưa đạt theo mục tiêu đề ra.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm thường chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của chủ dự án, dẫn đến một số dự án, công trình chưa triển khai thực hiện được mà phải chuyển tiếp từ năm 2022, 2023 sang năm 2024 để có căn cứ thực hiện khi có nguồn vốn.

- Các công trình, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do nhân dân hiến đất và chủ đầu tư chưa bố trí được kinh phí thực hiện công tác đo đạc chỉnh lý biến động nên dẫn đến ảnh hưởng kết quả thực hiện.

- Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, khả năng huy động vốn chưa đáp ứng được yêu cầu, người dân còn trông chờ vào hỗ trợ của nhà nước do đó còn nhiều dự án, công trình chưa đáp ứng được về tiến độ và chất lượng.

- Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể thi hành luật, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện các dự án, công trình nhất là việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hình thức thuê đất, giá đất cụ thể...

2.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2025

- Để đảm bảo kế hoạch sử dụng đất hàng năm được thực hiện có hiệu quả, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có sự phối hợp chặt chẽ, phải thường xuyên theo dõi, ban hành văn bản nhắc nhở, đề nghị các chủ đầu tư phải nghiêm túc thực hiện báo cáo hàng Quý về kết quả thực hiện các dự án đã được đăng ký trong năm kế hoạch. Qua đó, cần nêu rõ những vấn đề phải rút kinh nghiệm và điều chỉnh nếu quá trình thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc.

- Đối với các dự án ngoài ngân sách: Chỉ đưa vào kế hoạch sử dụng đất các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết và nhà đầu tư đã thực hiện nghĩa vụ ký quỹ theo quy định.

- Cần rà soát và có sự ràng buộc trách nhiệm đối với các chủ đầu tư dự án là doanh nghiệp, đồng thời phối hợp với các sở ban ngành quan tâm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất.

1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể. Trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, một số công trình, dự án do thiếu vốn đầu tư, thủ tục liên quan đến đất chưa hoàn thành nên quá trình triển khai chậm, chưa thực hiện. Tuy nhiên các dự án vẫn có khả thi và cần thiết đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện, do đó huyện Ba Bể vẫn tiếp tục đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và tổ chức thực hiện theo quy định. Cụ thể như sau:

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
1	Di chuyển Ban CHQS huyện Ba Bể	5,00	5,00		Thị trấn Chợ Rã
2	Trụ sở Công an xã xã Chu Hương	0,11	0,11		Xã Chu Hương
3	Trụ sở Công an xã xã Đồng Phúc	0,12	0,12		Xã Đồng Phúc
4	Trụ sở Công an xã xã Quảng Khê	0,07	0,07		Xã Quảng Khê
5	Trụ sở Công an xã xã Yên Dương	0,15	0,15		Xã Yên Dương
6	Trụ sở Công an xã xã Mỹ Phương	0,10	0,10		Xã Mỹ Phương
7	Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	5,00	5,00		Xã Chu Hương
8	Xây dựng Hạ tầng giao thông khu vực xung quanh hồ Ba Bể	0,29	0,28	0,01	Xã Quảng Khê, xã Nam Mẫu
9	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải các thôn khu vực hồ Ba Bể	2,51	2,51		Xã Quảng Khê, xã Nam Mẫu
10	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	110,60	60,73	49,87	Các xã: Đồng Phúc; Quảng Khê; Nam Mẫu; Hoàng Trĩ, Khang Ninh
11	Bổ trí ổn định dân cư tại chỗ thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	3,65	3,54	0,11	Xã Hà Hiệu
12	Nhà văn hoá Yên Dương	0,10	0,10		xã Yên Dương
13	Trường Mầm non Mỹ Phương (giai đoạn 2) huyện Ba Bể	0,60	0,60		xã Mỹ Phương
14	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Ba Bể	0,26	0,26		Xã Thượng Giáo
15	Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây	3,06	3,06		Xã Thượng Giáo

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
	dựng thông thường khu vực Pác Keng, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn				
16	Cấp điện cho một số thôn, bản, cụm dân cư chưa có điện huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	0,17	0,17		Các xã: Phúc Lộc, Bành Trạch, Hà Hiệu, Thượng Giáo và Quảng Khê
17	Cải tạo, CQT, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Yên Dương, Chu Hương, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	0,03	0,03		Các xã: Yên Dương, Chu Hương và thị trấn Chợ Rã
18	Dự án thành phần số 02: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc - Kè bảo vệ bờ Sông Năng thuộc xã Thượng Giáo và thị trấn Chợ Rã	0,16	0,16		Xã Thượng Giáo
19	Nhà văn hóa thôn Bjoóc Ve, xã Mỹ Phương	0,03	0,03		Xã Mỹ Phương
20	Dự án xây dựng tuyến đường Quảng Khê - Khang Ninh, huyện Ba Bể	3,84	3,79	0,05	Các xã: Khang Ninh, Quảng Khê
21	Xây dựng cầu Cốc Phát và cải tạo đường tỉnh ĐT258B, tỉnh Bắc Kạn (đoạn Ba Bể - Pác Nặm)	1,11	0,01	1,10	Thị trấn Chợ Rã
22	Đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Yên Dương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	0,19	0,19		Xã Yên Dương
23	Xây dựng mới Trường Mầm non Hà Hiệu huyện Ba Bể	0,40	0,40		xã Hà Hiệu
24	Dự án khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Kéo Lạc Mò, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	0,46	0,46		Xã Bành Trạch
25	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	0,42	0,42		Thị trấn Chợ Rã
26	Mạch vòng Chu Hương - Hà Hiệu, lộ 371 trạm E 26.1	0,15	0,15		Các xã: Chu Hương, Hà Hiệu
27	CQT, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể	0,01	0,01		Xã Mỹ Phương
28	Dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã và thôn Nà Mò, xã Địa Linh	0,10	0,10		Các xã, thị trấn: TT Chợ Rã, xã Địa Linh
29	Mỏ đá vôi Lũng Phiêng Mạn, xã Thượng Giáo	0,98	0,98		Xã Thượng Giáo
30	Dự án du lịch sinh thái Hoàng Trĩ	4,90	4,90		Xã Hoàng Trĩ
31	Phát triển cơ sở hạ tầng vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	2,21	1,41	0,80	Xã Mỹ Phương, xã Quảng Khê
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Cụm công nghiệp Chu Hương)	18,00	18,00		Xã Chu Hương
33	Xây dựng khu trung tâm hoạt động văn hóa thể thao huyện Ba Bể và các hạng mục phụ cận (giai đoạn 2)	0,63	0,63		Thị trấn Chợ Rã
34	Đầu tư xây dựng khu dân cư tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể				Các xã, thị trấn: TT Chợ Rã, xã Thượng Giáo

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
	Đất ở khu dân cư (KDC thị trấn Chợ Rã)	1,51	1,51		Thị trấn Chợ Rã
	Đất ở khu dân cư (KDC thị trấn Chợ Rã)	1,90	1,60	0,30	Xã Thượng Giáo
	Trường mầm non (KDC thị trấn Chợ Rã)	0,22	0,22		Thị trấn Chợ Rã
	Đất công trình hỗn hợp (KDC thị trấn Chợ Rã)	0,84	0,84		Xã Thượng Giáo
	Đất nhà sinh hoạt cộng đồng (KDC thị trấn Chợ Rã)	0,12	0,12		Thị trấn Chợ Rã
	Đất cây xanh, cảnh quan(KDC thị trấn Chợ Rã)	1,53	1,53		Thị trấn Chợ Rã
	Đất cây xanh, cảnh quan (KDC thị trấn Chợ Rã)	0,57	0,57		Xã Thượng Giáo
	Đất công trình giao thông (KDC thị trấn Chợ Rã)	1,63	1,63		Thị trấn Chợ Rã
	Đất công trình giao thông (KDC thị trấn Chợ Rã)	3,38	3,38		Xã Thượng Giáo

1.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai

Căn cứ vào các dự án đầu tư để phát triển kinh tế xã hội đăng ký thực hiện trong năm 2025 và dự án đầu tư đã được phê duyệt triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Ba Bể và khả năng kêu gọi vốn đầu tư, năng lực đầu tư đối với những công trình, dự án dự kiến triển khai trong năm 2025. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Ba Bể như sau:

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
1	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách thôn Khuổi Luông, xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	6,05	6,05		Xã Khang Ninh
2	Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai cấp bách thôn Khuổi Slun, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể	2,54	2,54		Xã Thượng Giáo
3	Sửa chữa nền mặt đường và xử lý các điểm nguy cơ mất ATGT, các vị trí đường cong nhỏ tại Km321+400-Km322+800;Km323+250-K329+00;Km331+250-Km331+350;Km336+850;Km336+950;;Km337+050-K337+150 và bổ sung đường cứu nạn đoạn Km45+100-Km45+300 QL279, tỉnh Bắc Kạn	1,60	1,38	0,22	Các xã: Hà Hiệu, Phúc Lộc, Bành Trach, thị trấn Chợ Rã, Cao Thượng

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
4	Nâng cao năng lực vận hành đường dây 35kV liên kết 02 tỉnh Bắc Kạn - Cao Bằng	0,22	0,22		Các xã: Hà Hiệu, Phúc Lộc, Bành Trạch
5	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Hối, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	16,60	16,60		Xã Phúc Lộc
6	Nâng cao chất lượng của lưới điện hạ áp năm 2024 -2025 cho các TBA CC khu vực tỉnh Bắc Kạn	0,07	0,07		Các xã, thị trấn: Hà Hiệu, Cao Thượng, Nam Mẫu, thị trấn Chợ Rã
7	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kV lộ 371 trạm E26.1 từ vị trí 07 đến vị trí 117A6 đoạn Nà Phặc-Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn năm 2025	0,16	0,16		Các xã, thị trấn: Hà Hiệu, Phúc Lộc, Bành Trạch, thị trấn Chợ Rã
8	Cải tạo CQT, giảm bán kính cấp điện khu vực xã Khang Ninh, Hoàng Trĩ, Quảng Khê, Hà Hiệu, Phúc Lộc, Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn năm 2025	0,08	0,08		Các xã: Khang Ninh, Hoàng Trĩ, Quảng Khê, Hà Hiệu, Phúc Lộc, Bành Trạch
9	Cấp điện cho một số thôn, bản, cụm dân cư chưa có điện khu vực xã Mỹ Phương, Phúc Lộc, Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	0,45	0,45		Các xã: Mỹ Phương, Phúc Lộc, Bành Trạch
10	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Thôn Tân Lùng, xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	0,01	0,01		Xã Đồng Phúc
11	Tạo mặt bằng để tổ chức các hoạt động du lịch tại khu vực tổ chức lễ hội Lồng tồng, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	6,74	6,74		Xã Nam Mẫu
12	Nhà văn hoá thôn Vãng Quan, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	0,05	0,04	0,01	Xã Phúc Lộc
13	Nhà văn hoá thôn Nhật Vẹn, xã Phúc Lộc, huyện Ba Bể	0,03	0,03		Xã Phúc Lộc
14	Đường Phiêng Phạ - Phiêng Chì, xã Phúc Lộc	7,60	4,60	3,00	Xã Phúc Lộc
15	Đường Phiêng Chì - Nặm Pén, xã Phúc Lộc	7,40	4,40	3,00	Xã Phúc Lộc
16	Hạng mục: Xử lý vị trí 32-152-58 ĐZ 35kV sau CD 371-7/1 Cao Tân – Sự cố do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) gây mưa lớn kéo dài từ ngày 10/9/2024 đến ngày 12/9/2024	0,01	0,01		Xã Cao Thượng
17	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện hạ áp, giảm TĐN khu vực huyện Ba Bể, huyện Bạch Thông	0,06	0,06		Xã Chu Hương, Mỹ Phương, Hà Hiệu, Bành Trạch, thị trấn Chợ Rã, Quảng Khê, Đồng Phúc, Khang Ninh, Địa Linh, Nam Mẫu, Cao Thượng, huyện Ba Bể

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
18	Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng - Ba Bể ecolodge	1,69	1,69		Xã Thượng Giáo
19	Nhà văn hoá thôn Cốc Coong, xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể	0,05	0,05		Xã Đồng Phúc
20	Dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp thương mại dịch vụ, văn hoá, thể thao nằm trên địa bàn xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	20,35	20,35		Xã Đồng Phúc
21	Đất thương mại dịch vụ khu vực Đồn Đền, Khuổi Luông xã Khang Ninh	45,00	45,00		Xã Khang Ninh
22	Đất thương mại dịch vụ khu đất trường THCS	0,66	0,66		Quảng Khê
23	Khu Tái định cư thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	0,39		0,39	Thị trấn Chợ Rã
24	Đấu giá khu đất Trung tâm GDTX cũ	0,02		0,02	Thị trấn Chợ Rã
25	Mở đường sản xuất Nà Slài - Cốc Nghè, thôn Nà Slài	0,45	0,45		Xã Hoàng Trĩ

1.3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư số 29 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm 2025.

Các công trình, dự án không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 48 Thông tư số 29 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm 2025 cụ thể như sau:

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
1	Trụ sở Công an xã xã Thượng Giáo	0,25	0,25		Xã Thượng Giáo
2	Trụ sở Công an xã xã Cao Thượng	0,20	0,20		Xã Cao Thượng
3	Trụ sở Công an xã xã Địa Linh	0,36	0,36		Xã Địa Linh
4	Trụ sở Công an xã xã Phúc Lộc	0,11	0,11		Xã Phúc Lộc
5	Trụ sở Công an xã xã Hoàng Trĩ	0,15	0,15		Xã Hoàng Trĩ
6	Trụ sở Công an xã xã Khang Ninh	0,10	0,10		Xã Khang Ninh
7	Trụ sở Công an xã xã Hà Hiệu	0,11	0,11		Xã Hà Hiệu
8	Trụ sở Công an xã xã Bành Trạch	0,09	0,09		Xã Bành Trạch
9	Xây dựng khu trung tâm hoạt động văn hóa thể thao huyện Ba Bể và các hạng mục phụ cận (giai đoạn 2) đợt 3	0,57		0,57	Thị trấn Chợ Rã
10	Đoạn đầu đường Khuổi Khún - Vàng Kheo, xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (đầu nối với đường ĐT258)	0,01		0,01	Xã Mỹ Phương

STT	Hạng mục công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm KH (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Địa điểm
11	Khu tái định cư Khau Ban, xã Khang Ninh	1,27		1,27	Xã Khang Ninh
12	Khu tái định cư để giải phóng mặt bằng Quốc lộ 279, địa phận thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (để thực hiện giao đất tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất)	1,79		1,79	Thị trấn Chợ Rã
13	Đấu giá quyền sử dụng đất phần diện tích đã thu hồi giải phóng mặt bằng QL279 không sử dụng hết	2,58		2,58	Thị trấn Chợ Rã
14	Đầu tư xây dựng khu dân cư tại thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (Đầu thầu)	8,55		8,55	Thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo
15	Đấu giá quyền sử dụng đất thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật trung tâm thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	0,25		0,25	Thị trấn Chợ Rã

1.4. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều 48 Thông tư số 29 theo loại đất đến đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

1.4.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 19/3/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 16/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Ba Bể; Quyết định số 2567/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bể; Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 huyện Ba Bể và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch 2025 của huyện Ba Bể cụ thể như sau:

Bảng 10: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(...)	
	Tổng diện tích tự nhiên		68.468,17	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	64.568,33	94,30
1,1	Đất trồng lúa	LUA	3.489,66	5,10
1.1.1	Trong đó: - Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2.261,67	3,30
1.1.2	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	1.228,00	1,79
1,2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.782,49	2,60
1,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.397,56	2,04
1,4	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.754,51	12,79
1,5	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.474,36	16,76
1,6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.461,05	54,71
	Trong đó: - Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	23.075,17	33,70
1,7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	135,40	0,20
1,8	Đất chăn nuôi tập chung	CNT	-	-
1,9	Đất làm muối	LMU	-	-
1,10	Đất nông nghiệp khác	NKH	73,30	0,11
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.845,92	4,16
2,1	Đất ở tại nông thôn	ONT	492,33	0,72
2,2	Đất ở tại đô thị	ODT	33,61	0,05
2,3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,58	0,02
2,4	Đất quốc phòng	CQP	63,34	0,09
2,5	Đất an ninh	CAN	2,85	0,00
2,6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	85,39	0,12
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	19,21	0,03
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	-	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,95	0,01
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	50,87	0,07
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,59	0,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	2,19	0,00
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	5,58	0,01
2,7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	146,01	0,21
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,00	0,03
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	94,75	0,14
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	8,43	0,01
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	24,83	0,04
2,8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.184,08	1,73
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	792,76	1,16
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	33,97	0,05
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,21	0,00
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	344,96	0,50
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3,66	0,01
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,56	0,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,81	0,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,05	0,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,10	0,00
2,9	Đất tôn giáo	TON	0,15	0,00
2,10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,56	0,00
2,11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	9,31	0,01
2,12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	814,71	1,19
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	17,90	0,03
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	796,81	1,16
2,13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.053,92	1,54
3,1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	724,00	1,06
3,2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	329,92	0,48
3,3	Núi đá không có rừng cây	NCS	-	-
3,4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	-	-
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*			

(Chi tiết tại Biểu số 17/CH)

1.4.2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện Ba Bể và tổng hợp các công trình dự án chuyển tiếp từ năm 2024 sang thực hiện 2025, chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể, cụ thể như sau:

Bảng 11: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2025 và so sánh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ba Bể.

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024 (ha)	Kế hoạch năm 2025 (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-)	
						KH 2025 và hiện trạng 2024 (ha)	KH 2025 và QH 2030 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		68.468,17	68.468,17	68.468,17		-
1	Đất nông nghiệp	NNP	64.834,13	64.568,33	64.224,09	-265,80	344,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.510,80	3.489,66	3.320,04	-21,14	169,62
-	Tr. đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2.277,18	2.261,67	2.083,09	-15,51	178,58
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.809,27	1.782,49	2.491,28	-26,78	-708,79
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.407,09	1.397,56	1.332,95	-9,53	-64,61
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11.480,65	11.474,36	10.999,49	-6,29	-474,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	8.760,26	8.754,51	9.362,04	-5,75	-607,53
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.653,49	37.461,05	36.388,00	-192,44	1.073,05
-	Tr. đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	23.075,17	23.075,17	22.497,17	0,00	578,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	139,27	135,40	118,26	-3,87	-17,14
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT					
1.9	Đất làm muối	LMU					
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	73,30	73,30	212,03	0,00	138,73
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.573,33	2.845,92	3.801,04	272,59	955,12
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	430,77	492,33	617,19	61,56	124,86
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	31,49	33,61	138,26	2,12	104,65
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ	TSC	12,27	11,58	17,40	-0,69	5,82
2.4	Đất quốc phòng	CQP	58,34	63,34	46,69	5,00	-16,65
2.5	Đất an ninh	CAN	2,30	2,85	14,20	0,55	11,35
2.6	Đất xây dựng công trình sự	DSN	85,12	85,39	87,64	0,27	2,25
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn	DVH	18,87	19,21	21,46	0,34	2,25
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,00	0,00	2,10	0,00	2,10
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,92	4,95	7,09	0,03	2,14
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	50,54	50,87	64,08	0,33	13,21
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,60	2,59	21,41	-0,01	18,82
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	2,19	2,19	2,19	0,00	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024 (ha)	Kế hoạch năm 2025 (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-)	
						KH 2025 và hiện trạng 2024 (ha)	KH 2025 và QH 2030 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT					
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	6,00	5,58	5,00	-0,42	-0,58
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	28,46	146,01	589,78	117,55	443,77
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK		0,00		0,00	0,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	18,00	28,00	18,00	10,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		0,00		0,00	0,00
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	4,70	94,75	472,29	90,05	377,54
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi	SKC	3,43	8,43	21,28	5,00	12,85
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động	SKS	20,33	24,83	68,21	4,50	43,38
2.8	Đất sử dụng vào mục đích	CCC	1.094,92	1.184,08	1.263,06	89,16	78,98
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	716,26	792,76	907,83	76,50	115,07
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	33,85	33,97	89,31	0,12	55,34
2.8.3	Đất công trình cấp nước,	DCT	0,19	0,21		0,02	-0,21
2.8.4	Đất công trình phòng,	DPC	0,00				
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	338,22	344,96	355,23	6,74	10,27
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	1,18	3,66	30,56	2,48	26,90
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,32	2,56	4,37	1,24	1,81
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,85	0,81	4,96	-0,04	4,15
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,05	3,05	5,93	0,00	2,88
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,00	2,10	10,00	2,10	7,90
2.9	Đất tôn giáo	TON	0,15	0,15	0,65	0,00	0,50

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024 (ha)	Kế hoạch năm 2025 (ha)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)	So sánh tăng (+), giảm (-)	
						KH 2025 và hiện trạng 2024 (ha)	KH 2025 và QH 2030 (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	2,56	2,56	3,05	0,00	0,49
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	9,91	9,31	21,30	-0,60	11,99
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	817,04	814,71	771,51	-2,33	-43,20
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	17,90	17,90	22,89	0,00	4,99
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	799,14	796,81	748,62	-2,33	-48,19
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00		49,51	0,00	49,51
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.060,71	1.053,92	443,04	-6,79	-610,88
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	730,79	724,00	443,04	-6,79	-280,96
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	329,92	329,92		0,00	-329,92
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS					
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS					
4	Đất sử dụng cho khu công nghệ cao*						

a. Nhóm đất nông nghiệp

Trong năm kế hoạch diện tích đất nông nghiệp giảm 265,80 ha để chuyển sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 81,81 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 113,52 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,37 ha;
- Đất an ninh 0,13 ha;
- Đất quốc phòng 4,83 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18 ha
- Đất ở tại nông thôn 62,21 ha;
- Đất ở tại đô thị 2,55 ha.
- Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 0,41 ha, cụ thể: Đất trồng cây hằng năm khác.

Đến cuối năm 2025 đất nông nghiệp của huyện có diện tích 64.568,33 ha, phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn trong huyện như sau:

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NNP (ha)	TTT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NNP (ha)
1	TT Chợ Rã	301,43	9	Xã Quảng Khê	5.221,88
2	Xã Bành Trạch	5.601,84	10	Xã Chu Hương	3.291,97
3	Xã Phúc Lộc	6.147,29	11	Xã Yên Dương	3.842,74
4	Xã Cao Thượng	3.731,73	12	Xã Địa Linh	2.993,96
5	Xã Hà Hiệu	3.848,14	13	Xã Nam Mẫu	5.887,61
6	Xã Đồng Phúc	5.454,46	14	Xã Khang Ninh	4.102,49
7	Xã Hoàng Trĩ	3.259,25	15	Xã Thượng Giáo	5.358,76
8	Xã Mỹ Phương	5.524,78	Tổng		64.568,33

** Đất trồng lúa*

Trong năm kế hoạch diện tích đất trồng lúa giảm 21,14 ha để chuyển sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp và chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp, trong đó:

- Chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp là 20,88 ha, cụ thể:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 13,23 ha;

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,50 ha;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,08 ha;

- Đất an ninh 0,13 ha;

- Đất quốc phòng 0,24 ha;

- Đất ở tại nông thôn 5,48 ha;

- Đất ở tại đô thị 1,22 ha;

- Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 0,26 ha, cụ thể: Đất trồng cây hằng năm khác.

Đến cuối năm 2025 đất trồng lúa của huyện có diện tích 3.489,66 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất LUA (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất LUA (ha)
1	TT Chợ Rã	21,81	9	Xã Quảng Khê	334,57
2	Xã Bành Trạch	189,20	10	Xã Chu Hương	245,28
3	Xã Phúc Lộc	194,97	11	Xã Yên Dương	180,87
4	Xã Cao Thượng	211,87	12	Xã Địa Linh	267,37
5	Xã Hà Hiệu	189,59	13	Xã Nam Mẫu	118,24
6	Xã Đồng Phúc	348,91	14	Xã Khang Ninh	363,83
7	Xã Hoàng Trĩ	122,24	15	Xã Thượng Giáo	353,11
8	Xã Mỹ Phương	347,81	Tổng		3.489,66

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước

Trong năm kế hoạch dự kiến trên địa bàn huyện cần chuyển 15,51 ha đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp và chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp, trong đó:

- Chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp là 15,25 ha, cụ thể:
 - Đất sử dụng vào mục đích công cộng 9,50 ha;
 - Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,31 ha;
 - Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,05 ha;
 - Đất an ninh 0,13 ha;
 - Đất quốc phòng 0,24 ha;
 - Đất ở tại nông thôn 3,80 ha;
 - Đất ở tại đô thị 1,22 ha.
- Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 0,26 ha, cụ thể: Đất trồng cây hằng năm khác.

Đến cuối năm 2025 đất trồng lúa của huyện có diện tích 2.261,67 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

STT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất LUC (ha)	STT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất LUC (ha)
1	TT Chợ Rã	21,82	9	Xã Quảng Khê	148,01
2	Xã Bình Trạch	142,41	10	Xã Chu Hương	180,73
3	Xã Phúc Lộc	103,83	11	Xã Yên Dương	118,72
4	Xã Cao Thượng	78,15	12	Xã Địa Linh	232,37
5	Xã Hà Hiệu	146,04	13	Xã Nam Mẫu	113,46
6	Xã Đồng Phúc	159,31	14	Xã Khang Ninh	168,70
7	Xã Hoàng Trĩ	80,71	15	Xã Thượng Giáo	270,38
8	Xã Mỹ Phương	297,04	Tổng		2.261,67

** Đất trồng cây hằng năm khác*

Trong năm kế hoạch, diện tích đất trồng cây hằng năm khác giảm 27,19 ha để chuyển sang sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 13,81 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 8,00 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,07 ha;
- Đất quốc phòng 0,05 ha;
- Đất ở tại nông thôn 4,51 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,75 ha.

Đồng thời trong năm kế hoạch, đất trồng cây hằng năm khác tăng 0,41 ha do được chuyển từ các loại đất khác sang, cụ thể:

- + Đất trồng lúa: 0,26 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 0,15 ha.

Đến cuối năm 2025 đất trồng cây hằng năm khác của huyện có diện tích 1.782,49 ha, thực giảm 26,78 ha và được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất HNK (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất HNK (ha)
1	TT Chợ Rã	36,44	9	Xã Quảng Khê	134,43
2	Xã Bành Trạch	286,48	10	Xã Chu Hương	41,87
3	Xã Phúc Lộc	55,04	11	Xã Yên Dương	77,25
4	Xã Cao Thượng	43,20	12	Xã Địa Linh	69,64
5	Xã Hà Hiệu	186,84	13	Xã Nam Mẫu	144,63
6	Xã Đồng Phúc	88,82	14	Xã Khang Ninh	132,02
7	Xã Hoàng Trĩ	105,16	15	Xã Thượng Giáo	292,24
8	Xã Mỹ Phương	88,43	Tổng		1.782,49

** Đất trồng cây lâu năm*

Trong năm kế hoạch dự kiến đất trồng cây lâu năm giảm 9,53 ha để chuyển sang sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp, trong đó:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 5,97 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,40 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,05 ha;
- Đất ở tại nông thôn 2,93 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,18 ha.

Đến cuối năm 2025 đất trồng cây lâu năm của huyện có diện tích 1.397,56 ha, thực giảm 9,53 ha và được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CLN (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CLN (ha)
1	TT Chợ Rã	21,43	9	Xã Quảng Khê	91,20
2	Xã Bành Trạch	91,17	10	Xã Chu Hương	142,23
3	Xã Phúc Lộc	59,86	11	Xã Yên Dương	74,77
4	Xã Cao Thượng	44,46	12	Xã Địa Linh	54,67
5	Xã Hà Hiệu	110,97	13	Xã Nam Mẫu	28,61
6	Xã Đồng Phúc	143,83	14	Xã Khang Ninh	99,15
7	Xã Hoàng Trĩ	45,09	15	Xã Thượng Giáo	259,38
8	Xã Mỹ Phương	130,75	Tổng		1.397,56

** Đất rừng phòng hộ*

Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất rừng phòng hộ sẽ giảm 6,29 ha để chuyển sang sử dụng cho đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến cuối năm 2025 đất rừng phòng hộ của huyện có diện tích 11.474,36 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất RPH (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất RPH (ha)
1	TT Chợ Rã	0,00	9	Xã Quảng Khê	1994,87
2	Xã Bình Trạch	822,33	10	Xã Chu Hương	345,11
3	Xã Phúc Lộc	671,96	11	Xã Yên Dương	890,82
4	Xã Cao Thượng	49,11	12	Xã Địa Linh	455,90
5	Xã Hà Hiệu	200,98	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	3336,55	14	Xã Khang Ninh	154,21
7	Xã Hoàng Trĩ	1366,03	15	Xã Thượng Giáo	414,09
8	Xã Mỹ Phương	772,41	Tổng		11.474,36

** Đất rừng đặc dụng*

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất rừng đặc dụng giảm 5,75 ha để chuyển sang sử dụng cho đất sử dụng vào mục đích công cộng. Đến cuối năm 2025, diện tích đất rừng đặc dụng của huyện là 8.754,51 ha và được phân bổ cho các xã như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất RDD (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất RDD (ha)
1	TT Chợ Rã	0,00	9	Xã Quảng Khê	1276,75
2	Xã Bình Trạch	0,00	10	Xã Chu Hương	0,00
3	Xã Phúc Lộc	0,00	11	Xã Yên Dương	0,00
4	Xã Cao Thượng	429,73	12	Xã Địa Linh	0,00
5	Xã Hà Hiệu	0,00	13	Xã Nam Mẫu	5563,71
6	Xã Đồng Phúc	0,00	14	Xã Khang Ninh	1059,90
7	Xã Hoàng Trĩ	31,30	15	Xã Thượng Giáo	393,13
8	Xã Mỹ Phương	0,00	Tổng		8.754,51

** Đất rừng sản xuất*

Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất rừng sản xuất giảm 192,44 ha để chuyển sang sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp và chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp, trong đó:

- Chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp là 192,29 ha, cụ thể:

- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 33,36 ha;
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông 104,24 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,17 ha;
- + Đất quốc phòng 4,54 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 49,40 ha;
- + Đất ở tại đô thị 0,40 ha.

- Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp là 0,15 ha đất trồng cây hàng năm khác;

Đến cuối năm 2025, đất rừng sản xuất của huyện có diện tích 37.461,05 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất RSX (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất RSX (ha)
1	TT Chợ Rã	220,90	9	Xã Quảng Khê	1384,90
2	Xã Bành Trạch	4207,52	10	Xã Chu Hương	2513,06
3	Xã Phúc Lộc	5162,53	11	Xã Yên Dương	2612,63
4	Xã Cao Thượng	2949,21	12	Xã Địa Linh	2138,01
5	Xã Hà Hiệu	3154,26	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	1525,14	14	Xã Khang Ninh	2279,44
7	Xã Hoàng Trĩ	1586,42	15	Xã Thượng Giáo	3565,25
8	Xã Mỹ Phương	4161,78	Tổng		37.461,05

** Đất nuôi trồng thủy sản*

Trong năm kế hoạch năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 3,87 ha để chuyển sang sử dụng cho các mục đích phi nông, trong đó:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 3,40 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,38 ha;
- Đất ở tại nông thôn là 0,09 ha.

Đến cuối năm 2025, đất nuôi trồng thủy sản của huyện có diện tích 135,40 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NTS (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NTS (ha)
1	TT Chợ Rã	0,85	9	Xã Quảng Khê	6,11
2	Xã Bành Trạch	5,15	10	Xã Chu Hương	4,42
3	Xã Phúc Lộc	2,93	11	Xã Yên Dương	6,40

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NTS (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NTS (ha)
4	Xã Cao Thượng	4,16	12	Xã Địa Linh	8,38
5	Xã Hà Hiệu	5,49	13	Xã Nam Mẫu	33,37
6	Xã Đồng Phúc	11,21	14	Xã Khang Ninh	12,05
7	Xã Hoàng Trĩ	3,01	15	Xã Thượng Giáo	8,27
8	Xã Mỹ Phương	23,60	Tổng		135,40

** Đất nông nghiệp khác*

Trong năm kế hoạch năm 2025, diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi so với năm 2024 với diện tích là 73,30 và được phân bổ tại xã Thượng Giáo.

b. Đất phi nông nghiệp

Trong năm kế hoạch, diện tích đất phi nông nghiệp tăng 272,59 ha được chuyển từ đất nông nghiệp (265,80 ha) và đất chưa sử dụng (6,79 ha) sang.

Đến cuối năm 2025, đất phi nông nghiệp của huyện có diện tích 2.845,92 ha, thực tăng 272,59 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất PNN (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất PNN (ha)
1	TT Chợ Rã	155,67	9	Xã Quảng Khê	208,90
2	Xã Bàn Trách	201,64	10	Xã Chu Hương	146,44
3	Xã Phúc Lộc	129,35	11	Xã Yên Dương	78,30
4	Xã Cao Thượng	125,31	12	Xã Địa Linh	92,48
5	Xã Hà Hiệu	165,55	13	Xã Nam Mẫu	512,08
6	Xã Đồng Phúc	244,71	14	Xã Khang Ninh	292,35
7	Xã Hoàng Trĩ	114,04	15	Xã Thượng Giáo	239,22
8	Xã Mỹ Phương	139,87	Tổng		2.845,92

** Đất ở tại nông thôn*

Trong năm kế hoạch diện tích đất ở tại nông thôn tăng 63,07 ha do được chuyển từ các loại đất khác sang, trong đó:

- Đất trồng lúa 5,48 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác 4,51 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 2,93 ha;
- Đất rừng sản xuất 49,20 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,9 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,44 ha;

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,40 ha;
- Đất bằng chưa sử dụng 0,02 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất ở tại nông thôn giảm 1,51 ha do chuyển sang các loại đất, trong đó:

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,49 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,02 ha.

Như vậy, đến cuối năm 2025 đất ở tại nông thôn của huyện có diện tích 492,33 ha, thực tăng 63,07 ha và được phân bổ cho các xã trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất ONT (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất ONT (ha)
1	TT Chợ Rã	0,00	9	Xã Quảng Khê	34,80
2	Xã Bình Trạch	39,76	10	Xã Chu Hương	31,73
3	Xã Phúc Lộc	44,63	11	Xã Yên Dương	21,05
4	Xã Cao Thượng	29,20	12	Xã Địa Linh	32,97
5	Xã Hà Hiệu	27,04	13	Xã Nam Mẫu	28,49
6	Xã Đồng Phúc	54,71	14	Xã Khang Ninh	44,09
7	Xã Hoàng Trĩ	13,87	15	Xã Thượng Giáo	54,11
8	Xã Mỹ Phương	35,89	Tổng		492,33

** Đất ở tại đô thị*

Trong năm kế hoạch diện tích đất ở tại đô thị tăng 2,55 ha do được chuyển từ các loại đất khác sang, trong đó:

- Đất trồng lúa 1,22 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác 0,75 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,18 ha;
- Đất rừng sản xuất 0,40 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất ở tại đô thị giảm 0,43 ha do chuyển sang loại đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Như vậy, đến cuối năm 2025 đất ở tại đô thị của huyện có diện tích 33,61 ha, và được phân bổ tại thị trấn Chợ Rã.

** Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Trong năm kế hoạch diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 0,26 ha do được chuyển từ đất rừng sản xuất sang là 0,18 ha và đất sử dụng vào mục đích công cộng là 0,08 ha;

Đồng thời trong năm 2025 đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,95 ha do chuyển sang các loại đất. cụ thể:

- Đất an ninh 0,12 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,10 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,73 ha;

Như vậy, đến cuối năm 2025 đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện có diện tích 11,58 ha và được phân bổ cho các xã trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TSC (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TSC (ha)
1	TT Chợ Rã	0,24	9	Xã Quảng Khê	0,12
2	Xã Bình Trạch	0,31	10	Xã Chu Hương	0,27
3	Xã Phúc Lộc	0,53	11	Xã Yên Dương	0,59
4	Xã Cao Thượng	0,22	12	Xã Địa Linh	0,34
5	Xã Hà Hiệu	0,48	13	Xã Nam Mẫu	0,20
6	Xã Đồng Phúc	0,40	14	Xã Khang Ninh	0,95
7	Xã Hoàng Trĩ	0,14	15	Xã Thượng Giáo	6,24
8	Xã Mỹ Phương	0,57	Tổng		11,58

** Đất quốc phòng*

Trong năm kế hoạch diện tích đất quốc phòng tăng 5,00 ha do được chuyển từ các loại đất khác sang, trong đó:

- Đất trồng lúa 0,24 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha;
- Đất rừng sản xuất 4,54 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,17 ha;

Như vậy, đến cuối năm 2025 đất quốc phòng của huyện có diện tích 63,34 ha và được phân bổ cho các xã trong huyện như sau:

- Thị trấn Chợ Rã 31,55 ha;
- Xã Khang Ninh 31,80 ha.

** Đất an ninh*

Trong năm kế hoạch diện tích đất an ninh tăng 0,55 ha do được chuyển từ các loại đất khác sang, trong đó:

- Đất trồng lúa 0,13 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,12 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,26 ha;

- Đất bằng chưa sử dụng 0,04 ha.

Như vậy, đến cuối năm 2025 đất an ninh của huyện có diện tích 2,85 ha và được phân bổ cho các xã trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CAN (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CAN (ha)
1	TT Chợ Rã	0,44	9	Xã Quảng Khê	0,07
2	Xã Bình Trạch	0,20	10	Xã Chu Hương	0,11
3	Xã Phúc Lộc	0,10	11	Xã Yên Dương	0,15
4	Xã Cao Thượng	0,21	12	Xã Địa Linh	0,34
5	Xã Hà Hiệu	0,17	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	0,12	14	Xã Khang Ninh	0,42
7	Xã Hoàng Trĩ	0,17	15	Xã Thượng Giáo	0,25
8	Xã Mỹ Phương	0,10	Tổng		2,85

** Đất xây dựng công trình sự nghiệp*

Trong năm kế hoạch, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp tăng 1,75 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- Đất trồng lúa 0,08 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác 0,07 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,05 ha;
- Đất rừng sản xuất 0,17 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,12 ha;
- Đất bằng chưa sử dụng 0,56 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất xây dựng công trình sự nghiệp giảm 1,48 ha do chuyển sang các loại đất, trong đó:

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,66 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,12 ha;
- Đất an ninh 0,26 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,44 ha.

Đến cuối năm 2025, đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện có diện tích 85,39 ha được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DSN (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DSN (ha)
1	TT Chợ Rã	29,91	9	Xã Quảng Khê	7,01
2	Xã Bình Trạch	4,54	10	Xã Chu Hương	2,28
3	Xã Phúc Lộc	4,51	11	Xã Yên Dương	3,63
4	Xã Cao Thượng	4,07	12	Xã Địa Linh	3,18
5	Xã Hà Hiệu	4,65	13	Xã Nam Mẫu	3,17
6	Xã Đồng Phúc	2,37	14	Xã Khang Ninh	7,13
7	Xã Hoàng Trĩ	1,70	15	Xã Thượng Giáo	4,91
8	Xã Mỹ Phương	2,34	Tổng		85,39

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Trong năm kế hoạch, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng 0,37 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 0,03 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 0,05 ha;
- + Đất rừng sản xuất 0,17 ha;
- + Đất công trình giao thông 0,12 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất xây dựng cơ sở văn hóa giảm 0,03 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến cuối năm 2025, đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện có diện tích 19,21 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DVH (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DVH (ha)
1	TT Chợ Rã	10,60	9	Xã Quảng Khê	0,49
2	Xã Bình Trạch	0,83	10	Xã Chu Hương	0,59
3	Xã Phúc Lộc	0,99	11	Xã Yên Dương	0,33
4	Xã Cao Thượng	0,37	12	Xã Địa Linh	0,59
5	Xã Hà Hiệu	0,49	13	Xã Nam Mẫu	0,50
6	Xã Đồng Phúc	0,44	14	Xã Khang Ninh	1,75
7	Xã Hoàng Trĩ	0,21	15	Xã Thượng Giáo	0,79
8	Xã Mỹ Phương	0,23	Tổng		19,21

- Đất xây dựng cơ sở y tế

Trong năm kế hoạch, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế cộng tăng 0,16 ha do đất bằng chưa sử dụng chuyển sang.

Đồng thời trong năm 2025 đất xây dựng cơ sở y tế giảm 0,13 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng là 0,04 ha và đất an ninh 0,09 ha;

Đến cuối năm 2025, đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện có diện tích 4,95 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DYT (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DYT (ha)
1	TT Chợ Rã	1,67	9	Xã Quảng Khê	0,36
2	Xã Bành Trạch	0,13	10	Xã Chu Hương	0,12
3	Xã Phúc Lộc	0,19	11	Xã Yên Dương	0,41
4	Xã Cao Thượng	0,38	12	Xã Địa Linh	0,25
5	Xã Hà Hiệu	0,14	13	Xã Nam Mẫu	0,16
6	Xã Đồng Phúc	0,23	14	Xã Khang Ninh	0,11
7	Xã Hoàng Trĩ	0,12	15	Xã Thượng Giáo	0,59
8	Xã Mỹ Phương	0,09	Tổng		4,95

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Trong năm kế hoạch, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 1,22 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 0,05 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,07 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha;
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,6 ha;
- + Đất chưa sử dụng 0,40 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm 0,89 ha do chuyển sang:

- + Đất ở tại nông thôn là 0,02 ha
- + Đất an ninh 0,17 ha;
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,66 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,04 ha.

Đến cuối năm 2025, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện có diện tích 50,87 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DGD (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DGD (ha)
1	TT Chợ Rã	13,33	9	Xã Quảng Khê	5,31
2	Xã Bành Trạch	3,58	10	Xã Chu Hương	1,42
3	Xã Phúc Lộc	3,29	11	Xã Yên Dương	2,89
4	Xã Cao Thượng	3,26	12	Xã Địa Linh	2,33
5	Xã Hà Hiệu	4,02	13	Xã Nam Mẫu	1,04

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DGD (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DGD (ha)
6	Xã Đồng Phúc	1,70	14	Xã Khang Ninh	2,79
7	Xã Hoàng Trĩ	1,37	15	Xã Thượng Giáo	3,26
8	Xã Mỹ Phương	1,94	Tổng		50,87

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

Trong năm kế hoạch năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao giảm 0,01 ha do chuyển sang loại đất công trình xử lý chất thải.

Đến cuối năm 2025, đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao của huyện có diện tích 2,59 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

- Thị trấn Chợ Rã 0,60 ha;
- Xã Quảng Khê 1,17 ha;
- Xã Chu Hương 0,06 ha;
- Xã Nam Mẫu 0,57 ha;
- Xã Thượng Giáo 0,20 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

Trong năm kế hoạch, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác giảm 0,42 ha do chuyển sang loại đất ở nông thôn.

Đến cuối năm 2025, đất xây dựng công trình sự nghiệp khác của huyện có diện tích 5,58 ha, được phân bổ cho các xã Khang Ninh.

** Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*

Trong năm kế hoạch, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tăng 117,55 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- Đất trồng lúa 0,50 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 8,00 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,40 ha;
- Đất rừng sản xuất 104,24 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,38 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,02 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,66 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,02 ha;
- Đất chưa sử dụng 1,33 ha.

Đến cuối năm 2025, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện có diện tích 146,01 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CSK (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CSK (ha)
1	TT Chợ Rã	2,41	9	Xã Quảng Khê	3,91
2	Xã Bình Trạch	13,84	10	Xã Chu Hương	23,11

3	Xã Phúc Lộc	2,35	11	Xã Yên Dương	0,03
4	Xã Cao Thượng	0,00	12	Xã Địa Linh	0,65
5	Xã Hà Hiệu	0,98	13	Xã Nam Mẫu	0,32
6	Xã Đồng Phúc	33,28	14	Xã Khang Ninh	47,16
7	Xã Hoàng Trĩ	4,90	15	Xã Thượng Giáo	11,51
8	Xã Mỹ Phương	1,56	Tổng		146,01

- Đất cụm công nghiệp

Trong năm kế hoạch, diện tích đất cụm công nghiệp tăng 18,00 ha được chuyển từ đất rừng sản xuất sang.

Đến cuối năm 2025, đất cụm công nghiệp của huyện có diện tích 18,00 ha, được phân bổ cho xã Chu Hương.

- Đất thương mại dịch vụ

Trong năm kế hoạch, diện tích đất thương mại dịch vụ tăng 90,05 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- Đất trồng lúa 0,50 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác 7,54 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,40 ha;
- Đất rừng sản xuất 69,84 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,38 ha;
- Đất phi nông nghiệp 10,06 ha;
- Đất chưa sử dụng 1,33 ha.

Đến cuối năm 2025, đất thương mại dịch vụ của huyện có diện tích 94,75 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TMD (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TMD (ha)
1	TT Chợ Rã	1,97	9	Xã Quảng Khê	2,20
2	Xã Bành Trạch	0,00	10	Xã Chu Hương	0,00
3	Xã Phúc Lộc	0,00	11	Xã Yên Dương	0,03
4	Xã Cao Thượng	0,00	12	Xã Địa Linh	0,04
5	Xã Hà Hiệu	0,37	13	Xã Nam Mẫu	0,32
6	Xã Đồng Phúc	33,28	14	Xã Khang Ninh	46,94
7	Xã Hoàng Trĩ	4,90	15	Xã Thượng Giáo	4,03
8	Xã Mỹ Phương	0,01	Tổng		94,75

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Trong năm kế hoạch, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 5,00 ha được chuyển từ đất rừng sản xuất 3,96 ha và đất công trình giao thông 1,04 ha sang.

Đến cuối năm 2025, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của huyện có diện tích 8,43 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất SKC (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất SKC (ha)
1	TT Chợ Rã	0,44	9	Xã Quảng Khê	0,00
2	Xã Bành Trạch	0,10	10	Xã Chu Hương	5,11
3	Xã Phúc Lộc	0,00	11	Xã Yên Dương	0,00
4	Xã Cao Thượng	0,00	12	Xã Địa Linh	0,61
5	Xã Hà Hiệu	0,61	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	0,00	14	Xã Khang Ninh	0,00
7	Xã Hoàng Trĩ	0,00	15	Xã Thượng Giáo	0,00
8	Xã Mỹ Phương	1,56	Tổng		8,43

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Trong năm kế hoạch, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 4,50 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,46 ha;
- + Đất rừng sản xuất 4,04 ha;

Đến cuối năm 2025, đất đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản của huyện có diện tích 24,83 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất SKS (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất SKS (ha)
1	TT Chợ Rã	0,00	9	Xã Quảng Khê	1,05
2	Xã Bành Trạch	13,73	10	Xã Chu Hương	0,00
3	Xã Phúc Lộc	2,35	11	Xã Yên Dương	0,00
4	Xã Cao Thượng	0,00	12	Xã Địa Linh	0,00
5	Xã Hà Hiệu	0,00	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	0,00	14	Xã Khang Ninh	0,22
7	Xã Hoàng Trĩ	0,00	15	Xã Thượng Giáo	7,48
8	Xã Mỹ Phương	0,00	Tổng		24,83

* Đất sử dụng vào mục đích công cộng

Trong năm kế hoạch, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng 91,75 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- Đất trồng lúa 13,23 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác 13,81 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 5,97 ha;
- Đất rừng đặc dụng 5,75 ha;
- Đất rừng sản xuất 33,36 ha;
- Đất rừng phòng hộ 6,29 ha;

- Đất nuôi trồng thủy sản 3,40 ha;
- Đất ở tại nông thôn 1,49 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,43 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,73 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,12 ha;
- Đất công trình giao thông 1,24 ha;
- Đất công trình thủy lợi 0,04 ha;
- Đất công trình xử lý chất thải 0,03 ha;
- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 0,04 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng 2,33 ha;
- Đất bằng chưa sử dụng 4,84 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất sử dụng vào mục đích công cộng giảm 2,59 ha do chuyển sang các loại đất, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn 0,20 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha;
- Đất quốc phòng 0,17 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,12 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2,02 ha;
- Đất công trình giao thông 0,04 ha;
- Đất công trình cấp nước, thoát nước 0,01 ha;
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 0,07 ha;
- Đất công trình xử lý chất thải 0,68 ha ;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,05 ha;
- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 0,50 ha.

Đến cuối năm 2025, đất sử dụng vào mục đích công cộng của huyện có diện tích 1.184,08 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CCC (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CCC (ha)
1	TT Chợ Rã	49,07	9	Xã Quảng Khê	85,31
2	Xã Bành Trạch	38,01	10	Xã Chu Hương	41,58
3	Xã Phúc Lộc	43,00	11	Xã Yên Dương	33,27
4	Xã Cao Thượng	60,68	12	Xã Địa Linh	35,71
5	Xã Hà Hiệu	56,88	13	Xã Nam Mẫu	374,19
6	Xã Đồng Phúc	95,29	14	Xã Khang Ninh	108,95
7	Xã Hoàng Trĩ	52,14	15	Xã Thượng Giáo	71,88
8	Xã Mỹ Phương	38,11	Tổng		1.184,08

- Đất công trình giao thông

Trong năm kế hoạch, diện tích đất công trình giao thông tăng 80,16 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 11,15 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác 7,99 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 5,30 ha;
- + Đất rừng đặc dụng 5,75 ha;
- + Đất rừng sản xuất 32,85 ha;
- + Đất rừng phòng hộ 6,22 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 2,23 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 1,47 ha;
- + Đất ở tại đô thị 0,43 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,12 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,03 ha;
- + Đất công trình thủy lợi 0,01 ha;
- + Đất công trình xử lý chất thải 0,03 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng 1,93 ha;
- + Đất chưa sử dụng 4,65 ha;

Đồng thời trong năm 2025 đất công trình giao thông giảm 3,66 ha do chuyển sang các loại đất, trong đó:

- + Đất ở tại nông thôn 0,03 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,08 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,12 ha;
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 2,02 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,24 ha;

Đến cuối năm 2025, đất công trình giao thông của huyện có diện tích 792,76 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DGT (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DGT (ha)
1	TT Chợ Rã	41,93	9	Xã Quảng Khê	82,33
2	Xã Bình Trạch	37,00	10	Xã Chu Hương	39,78
3	Xã Phúc Lộc	36,83	11	Xã Yên Dương	30,07
4	Xã Cao Thượng	57,35	12	Xã Địa Linh	35,42
5	Xã Hà Hiệu	52,72	13	Xã Nam Mẫu	36,67
6	Xã Đồng Phúc	93,13	14	Xã Khang Ninh	95,49
7	Xã Hoàng Trĩ	50,61	15	Xã Thượng Giáo	66,03
8	Xã Mỹ Phương	37,38	Tổng		792,76

- Đất công trình thủy lợi

Trong năm kế hoạch, diện tích đất công trình thủy lợi tăng 0,16 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

+ Đất trồng cây hằng năm khác 0,15 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm 0,01 ha;

Đồng thời trong năm 2025 đất công trình thủy lợi giảm 0,04 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến cuối năm 2025, đất công trình thủy lợi của huyện có diện tích 33,97 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DTL (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DTL (ha)
1	TT Chợ Rã	3,31	9	Xã Quảng Khê	1,62
2	Xã Bành Trạch	0,54	10	Xã Chu Hương	1,11
3	Xã Phúc Lộc	5,77	11	Xã Yên Dương	2,91
4	Xã Cao Thượng	2,75	12	Xã Địa Linh	0,18
5	Xã Hà Hiệu	3,43	13	Xã Nam Mẫu	1,78
6	Xã Đồng Phúc	1,11	14	Xã Khang Ninh	2,40
7	Xã Hoàng Trĩ	1,46	15	Xã Thượng Giáo	5,06
8	Xã Mỹ Phương	0,54	Tổng		33,97

- Đất công trình cấp nước, thoát nước

Trong năm kế hoạch, diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước tăng 0,02 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

+ Đất rừng sản xuất 0,01 ha;

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,01 ha.

Đến cuối năm 2025, đất công trình cấp nước, thoát nước của huyện có diện tích 0,21 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DCT (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DCT (ha)
1	TT Chợ Rã	0,00	9	Xã Quảng Khê	0,04
2	Xã Bành Trạch	0,00	10	Xã Chu Hương	0,00
3	Xã Phúc Lộc	0,07	11	Xã Yên Dương	0,01
4	Xã Cao Thượng	0,01	12	Xã Địa Linh	0,01
5	Xã Hà Hiệu	0,01	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	0,01	14	Xã Khang Ninh	0,03
7	Xã Hoàng Trĩ	0,00	15	Xã Thượng Giáo	0,00
8	Xã Mỹ Phương	0,02	Tổng		0,21

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên

Trong năm kế hoạch, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên tăng 6,74 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 0,41 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác 4,83 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 1,15 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,07 ha
- + Đất chưa sử dụng 0,05 ha.

Đến cuối năm 2025, đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên của huyện có diện tích 344,96 ha, được phân bổ cho các xã, Khang Ninh.

- Đất công trình xử lý chất thải

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất công trình xử lý chất thải tăng 2,51 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 0,60 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,45 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 0,49 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,02 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,02 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,09 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,68 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất công trình xử lý chất thải giảm 0,03 ha do chuyển sang đất công trình giao thông.

Đến cuối năm 2025, đất công trình xử lý chất thải của huyện có diện tích 3,66 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn:

- Thị trấn Chợ Rã 1,08 ha;
- Xã Quảng Khê 1,12 ha;
- Xã Nam Mẫu 1,39 ha.

- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Trong năm kế hoạch, diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng tăng 1,41 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 0,33 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,13 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 0,17 ha;
- + Đất rừng sản xuất 0,50 ha;
- + Đất rừng phòng hộ 0,07 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,05 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng 0,06 ha;

+ Đất bằng chưa sử dụng 0,10 ha.

Đồng thời trong năm 2025 đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng giảm 0,17 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

Đến cuối năm 2025, đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng của huyện có diện tích 2,56 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DNL (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DNL (ha)
1	TT Chợ Rã	0,05	9	Xã Quảng Khê	0,10
2	Xã Bành Trạch	0,35	10	Xã Chu Hương	0,15
3	Xã Phúc Lộc	0,31	11	Xã Yên Dương	0,00
4	Xã Cao Thượng	0,04	12	Xã Địa Linh	0,06
5	Xã Hà Hiệu	0,15	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	1,02	14	Xã Khang Ninh	0,05
7	Xã Hoàng Trĩ	0,03	15	Xã Thượng Giáo	0,10
8	Xã Mỹ Phương	0,16	Tổng		2,56

- Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

Trong năm kế hoạch, diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin giảm 0,04 ha do chuyển sang loại đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên.

Đến cuối năm 2025, đất đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin của huyện có diện tích 0,81 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DBV (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DBV (ha)
1	TT Chợ Rã	0,11	9	Xã Quảng Khê	0,04
2	Xã Bành Trạch	0,05	10	Xã Chu Hương	0,03
3	Xã Phúc Lộc	0,02	11	Xã Yên Dương	0,01
4	Xã Cao Thượng	0,04	12	Xã Địa Linh	0,05
5	Xã Hà Hiệu	0,02	13	Xã Nam Mẫu	0,01
6	Xã Đồng Phúc	0,02	14	Xã Khang Ninh	0,26
7	Xã Hoàng Trĩ	0,04	15	Xã Thượng Giáo	0,09
8	Xã Mỹ Phương	0,01	Tổng		0,81

- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối là 3,05 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DCH (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất DCH (ha)
1	TT Chợ Rã	0,98	9	Xã Quảng Khê	0,06
2	Xã Bình Trạch	0,00	10	Xã Chu Hương	0,50
3	Xã Phúc Lộc	0,00	11	Xã Yên Dương	0,27
4	Xã Cao Thượng	0,48	12	Xã Địa Linh	0,00
5	Xã Hà Hiệu	0,55	13	Xã Nam Mẫu	0,00
6	Xã Đồng Phúc	0,00	14	Xã Khang Ninh	0,21
7	Xã Hoàng Trĩ	0,00	15	Xã Thượng Giáo	0,00
8	Xã Mỹ Phương	0,00	Tổng		3,05

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng

Trong năm kế hoạch, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng tăng 2,10 ha được chuyển từ các loại đất khác sang. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 0,74 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác 0,26 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,60 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,50 ha;

Đến cuối năm 2025, đất đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng của huyện có diện tích 2,10 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

- Thị trấn Chợ Rã 1,53 ha;
- Xã Thượng Giáo 0,57 ha.

* Đất tôn giáo

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất tín ngưỡng là 0,15 ha, được phân bổ tại xã Nam Mẫu.

* Đất tín ngưỡng

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất tín ngưỡng là 2,56 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TIN (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TIN (ha)
1	TT Chợ Rã	0,42	3	Xã Địa Linh	0,07
2	Xã Khang Ninh	0,03	4	Xã Nam Mẫu	2,03
Tổng				2,56	

* Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; giảm 0,60 ha được chuyển từ các loại đất khác sang đất công trình sự nghiệp.

Đến cuối năm 2025, đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt của huyện có diện tích 9,31 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NTD (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất NTD (ha)
1	TT Chợ Rã	0,12	9	Xã Quảng Khê	0,56
2	Xã Bành Trạch	0,20	10	Xã Chu Hương	0,02
5	Xã Hà Hiệu	1,38	12	Xã Địa Linh	0,64
6	Xã Đồng Phúc	0,50	13	Xã Nam Mẫu	0,28
7	Xã Hoàng Trĩ	4,84	14	Xã Khang Ninh	0,52
8	Xã Mỹ Phương	0,13	15	Xã Thượng Giáo	0,12
			Tổng		9,31

- Đất có mặt nước chuyên dùng

Trong năm kế hoạch, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng giảm 2,33 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến cuối năm 2025, đất có mặt nước chuyên dùng của huyện có diện tích 814,71 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TVC (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất TVC (ha)
1	TT Chợ Rã	7,89	9	Xã Quảng Khê	77,13
2	Xã Bành Trạch	104,79	10	Xã Chu Hương	47,34
3	Xã Phúc Lộc	34,24	11	Xã Yên Dương	19,59
4	Xã Cao Thượng	30,93	12	Xã Địa Linh	18,58
5	Xã Hà Hiệu	73,97	13	Xã Nam Mẫu	103,25
6	Xã Đồng Phúc	58,05	14	Xã Khang Ninh	51,29
7	Xã Hoàng Trĩ	36,29	15	Xã Thượng Giáo	90,21
8	Xã Mỹ Phương	61,16	Tổng		814,71

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá không thay đổi so với năm 2024 với diện tích là 17,90 ha và được phân bổ tại các xã:

+ Xã Cao Thượng: 3,59 ha;

+ Xã Khang Ninh: 14,31 ha.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Trong năm kế hoạch 2025, diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 2,33 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến cuối năm 2025, đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối của huyện có diện tích 796,81 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất SON (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất SON (ha)
1	TT Chợ Rã	7,89	9	Xã Quảng Khê	77,13
2	Xã Bành Trạch	104,79	10	Xã Chu Hương	47,34
3	Xã Phúc Lộc	34,24	11	Xã Yên Dương	19,59
4	Xã Cao Thượng	27,35	12	Xã Địa Linh	18,58
5	Xã Hà Hiệu	73,97	13	Xã Nam Mẫu	103,25
6	Xã Đồng Phúc	58,05	14	Xã Khang Ninh	36,98
7	Xã Hoàng Trĩ	36,29	15	Xã Thượng Giáo	90,21
8	Xã Mỹ Phương	61,16	Tổng		796,81

c. Đất chưa sử dụng

Trong năm kế hoạch, diện tích đất chưa sử dụng giảm 6,79 ha do chuyển sang đất các loại đất khác trong đó:

- + Đất ở tại nông thôn 0,02 ha.
- + Đất an ninh 0,04 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,56 ha;
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,33 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 4,84 ha;

Đến cuối năm 2025, đất chưa sử dụng của huyện có diện tích 1.053,92 ha, được phân bổ cho các xã, thị trấn trong huyện như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CSD (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CSD (ha)
1	TT Chợ Rã	1,20	9	Xã Quảng Khê	85,65
2	Xã Bành Trạch	155,77	10	Xã Chu Hương	46,15
3	Xã Phúc Lộc	44,95	11	Xã Yên Dương	59,03
4	Xã Cao Thượng	67,99	12	Xã Địa Linh	30,80
5	Xã Hà Hiệu	11,22	13	Xã Nam Mẫu	46,69
6	Xã Đồng Phúc	162,15	14	Xã Khang Ninh	42,24
7	Xã Hoàng Trĩ	157,17	15	Xã Thượng Giáo	107,94
8	Xã Mỹ Phương	34,98	Tổng		1.053,92

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch.

Trong năm kế hoạch diện tích đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng cho các mục đích đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp là: 6,79 ha, trong đó:

- Đưa vào sử dụng cho đất ở tại nông thôn: 0,02 ha;
- Đưa vào sử dụng cho đất an ninh: 0,04 ha;
- Đưa vào sử dụng cho đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,56 ha;
- Đưa vào sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1,33 ha;
- Đưa vào sử dụng cho đất sử dụng vào mục đích công cộng: 4,84 ha;

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp được phân bổ cho các xã, thị trấn như sau:

TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CSD đưa vào sử dụng cho mục đích (ha)	TT	Tên ĐVHC cấp xã	Diện tích đất CSD đưa vào sử dụng cho mục đích (ha)
1	TT Chợ Rã	0,01	9	Xã Quảng Khê	0,92
2	Xã Bành Trạch	0,02	10	Xã Chu Hương	0,02
3	Xã Phúc Lộc	0,02	11	Xã Yên Dương	0,20
4	Xã Cao Thượng		12	Xã Địa Linh	
5	Xã Hà Hiệu	0,40	13	Xã Nam Mẫu	1,03
6	Xã Đồng Phúc	2,25	14	Xã Khang Ninh	0,95
7	Xã Hoàng Trĩ	0,92	15	Xã Thượng Giáo	0,02
8	Xã Mỹ Phương	0,03	Tổng		6,79

(Chi tiết tại Biểu số 18/CH kèm báo cáo thuyết minh)

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch

Trong năm kế hoạch, tổng diện tích đất cần thu hồi trên địa bàn huyện là 67,36 ha.

3.1. Đất nông nghiệp

- Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là: 56,36 ha, bao gồm:
 - + Đất trồng lúa: 15,41 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác: 17,92 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm: 7,28 ha;
 - + Đất rừng đặc dụng 5,75 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ: 6,29 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản: 3,71 ha.

3.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi trong năm 2025 là 11,20 ha, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 1,49 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,43 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,95 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,48 ha;

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 3,93 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 2,32 ha.

(Chi tiết tại Biểu số 19/CH kèm báo cáo thuyết minh)

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch

4.1. Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất nông nghiệp của huyện chuyển sang đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch là 265,80 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: 20,88 ha;
- Đất trồng cây hằng năm khác: 27,19 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 9,53 ha;
- Đất rừng đặc dụng 5,75 ha;
- Đất rừng phòng hộ: 6,29 ha;
- Đất rừng sản xuất: 192,29 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 3,87 ha;

4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Trong năm kế hoạch, huyện Ba Bể dự kiến chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 0,41 ha, trong đó:

- Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp: 0,26 ha;
- Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp:

0,15 ha.

4.3. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 31,70 ha;
- Chuyển đất xây dựng công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 2,02 ha.

(Chi tiết xem tại biểu 20/CH kèm báo cáo thuyết minh)

5. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch 2025.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, dự kiến thực hiện 74 công trình dự án, trong đó:

- Các công trình dự án được chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2024: 49 công trình dự án.

- Các công trình dự án bổ sung mới: 25 công trình dự án.

(Chi tiết xem tại biểu 25/CH kèm báo cáo thuyết minh)

6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch

6.1. Cơ sở tính toán

Dự toán thu chi từ đất của phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai 2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/07/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc Ban hành bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã được sửa đổi bổ sung tại các Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND, Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND, Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND;
- Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

6.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Dự kiến các khoản thu

Bao gồm thu từ việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.

b. Dự kiến các khoản chi

Bao gồm chi bồi thường khi thu hồi đất, bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và vật nuôi trên đất, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

6.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Phương pháp tính

** Đối với các khoản thu:*

- Thu tiền khi đấu giá quyền sử dụng đất các khu dân cư: Áp dụng theo giá đất quy định tại Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị: Áp dụng theo bảng giá đất khu vực liền kề.

- Thu tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn: Áp dụng theo giá đất của các khu vực liền kề dự kiến quy hoạch đất ở để tính giá thu tiền.

** Đối với các khoản chi:*

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản: tính theo giá đất cụ thể tại thời điểm thu hồi đất. Tuy nhiên, hiện chưa thực hiện nên UBND huyện áp dụng đơn giá các loại đất theo bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành để tính toán sơ bộ.

- Chi bồi thường đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị: được tính chi tiết cho từng vị trí (tuyến đường) bị thu hồi theo quy định.

b. Khái toán cân đối thu chi từ đất

Dự ước tạm tính thu chi từ đất trên địa bàn huyện Ba Bể trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên cơ sở bảng giá đất của UBND tỉnh:

** Dự kiến các nguồn thu tài chính liên quan đến đất đai trên địa bàn huyện năm 2024 là 18.840,1 triệu đồng, trong đó:*

- Thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, thực hiện chuyển quyền sử dụng đất là 1.509,9 triệu đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: 17.330,2 triệu đồng.

** Dự kiến các nguồn chi liên quan đến đất đai trên địa bàn huyện trong năm 2024 là 57.198,06 triệu đồng, trong đó:*

- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể là 1.094,34 triệu đồng.

- Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể là 768,08 triệu đồng.

- Kinh phí chi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng các công trình, dự án năm 2024 huyện Ba Bể là 55.335,64 triệu đồng.

Trên đây chỉ là dự kiến thu chi giả định dựa trên bảng giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, bảng giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Xử lý nghiêm các hành vi huỷ hoại môi trường sinh thái;

- Sử dụng đất cho các công trình, dự án phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động phải hoàn trả hiện trạng mặt đất đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới, đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời;

- Khuyến khích người dân ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu trong làm đất, tưới nước cho các loại cây trồng, đặc biệt là các cây trồng công nghiệp; ứng dụng các biện pháp canh tác tối thiểu như giảm làm đất, không cày,... nhằm hạn chế tổn thất lượng các-bon trong đất;

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát môi trường đối với những dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn, đảm bảo trước khi đi vào vận hành phải thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý và hoàn thành các công trình, biện pháp BVMT, xử lý chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về BVMT;

- Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, hạn chế chôn lấp, an toàn và phù hợp với điều kiện từng địa phương; nâng cao tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, đặc biệt đối với khu vực nông thôn.

2. Xác định các giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Huy động nhiều nguồn vốn và quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng theo nguyên tắc đồng bộ, tập trung, không dàn trải, có tính hữu dụng cao để tạo bước đột phá về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Đối với các công trình, dự án thuộc Chương trình nông thôn mới phải thu hồi đất, UBND các xã cần thực hiện tốt việc tuyên truyền cho nhân dân tặng cho quyền sử dụng đất (hiền đất) để xây dựng công trình; Chỉ đạo công chức địa chính thực hiện các nội dung chỉnh lý biến động đất đai, cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện các dự án sau khi giao đất, các chủ đầu tư phải tiến hành cắm mốc ngoài thực địa tránh tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai, yêu cầu các chủ đầu tư cần tiến hành đầu tư xây dựng dự án theo đúng tiến độ. Những dự án nào không triển khai quá thời gian quy định của Luật đất đai kể từ ngày giao dự án sẽ đề nghị thu hồi để kêu gọi chủ đầu tư khác, tránh tình trạng đầu cơ làm lãng phí đất đai, gây dư luận không tốt trong xã hội.

- Tăng các nguồn thu từ đất thông qua giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với một số khu vực quy hoạch làm khu dân cư nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai.

- Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo cho lao động là người địa phương, sử dụng vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện.

3. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất: thực hiện công khai bản đồ kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở UBND huyện, phòng Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý hiện trạng theo quy hoạch và quy định của pháp luật nhằm ngăn chặn tình trạng xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai; thực hiện đầy đủ các thủ tục thu hồi, giao đất đối với các công trình, dự án; làm tốt công tác chỉnh lý biến động đất đai, và hồ sơ địa chính theo quy định.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; làm tốt công tác tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đất đai, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của các công trình, dự án đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng trên địa bàn để tạo sự đồng thuận khi nhà nước thu hồi đất.

- Hàng quý, UBND huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các phòng liên quan, UBND các xã, thị trấn kiểm điểm việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất, đề ra biện pháp để tiếp tục thực hiện những tháng tiếp theo, đồng thời đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định bổ sung các công trình, dự án quan trọng, phát sinh vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện.

4. Nhóm giải pháp khác

- Tiếp tục phối hợp hoàn thiện quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

PHẦN V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất huyện Ba Bể năm 2025 được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng đất, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2024, dự kiến thực hiện kế hoạch năm 2025 và những tiềm năng hiện có về tài nguyên thiên nhiên, con người cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng của huyện cũng như các xã, thị trấn trong năm 2025, tính khả thi và hiệu quả của Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ba Bể thể hiện ở những mặt cơ bản sau:

- Trình tự các bước xây dựng kế hoạch sử dụng đất đã tuân thủ theo Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024 và các quy định có liên quan về đất đai của các ban, ngành khác.

- Việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và các quy hoạch khác đã được phê duyệt và đảm bảo tính khả thi trong việc lập Kế hoạch sử dụng đất.

- Quá trình xây dựng phương án có sự tham gia của các ngành, các cấp dưới sự chỉ đạo thống nhất của UBND huyện, các nhu cầu sử dụng đất được tính toán, cân đối trên cơ sở định hướng của từng ngành, đồng thời có xem xét những quy định về định mức sử dụng từng loại đất theo các văn bản hiện hành, áp dụng với điều kiện thực tiễn của huyện Ba Bể.

- Là cơ sở pháp lý để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo pháp luật; giúp các ngành có cơ sở pháp lý để đầu tư, phát triển ổn định, lâu dài, Tạo điều kiện để chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - thương mại, dịch vụ.

- Đáp ứng yêu cầu bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường, bố trí lại cơ cấu đất trong nông nghiệp và các loại đất khác theo hướng sử dụng khoa học, hợp lý, tiết kiệm và bền vững, phù hợp với điều kiện đất đai huyện.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND huyện Ba Bể kiến nghị:

Đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bể để UBND huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025, góp phần thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội và môi trường trên địa bàn huyện...

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và các ngành có liên quan tạo điều kiện cho Ba Bể phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ các nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để thực hiện đồng bộ các dự án xây dựng cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ, khu đô thị, khai thác khoáng sản, xử lý chất thải, trồng rừng... Đầu tư đồng bộ để phát huy hiệu quả sử dụng đất đã thu hồi, tránh tình trạng quy hoạch treo và dự án treo ở địa phương.

DANH MỤC BIỂU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN BA BÈ

(Ban hành kèm theo thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bè
2	Biểu 04/CH	Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bè
3	Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bè
4	Biểu 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 huyện Ba Bè
5	Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Ba Bè
6	Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Ba Bè
7	Biểu 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ba Bè
8	Biểu 25/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 huyện Ba Bè
9	Phụ biểu 01	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2025 huyện Ba Bè
10	Phụ biểu 02	Công trình, dự án đề nghị loại bỏ ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2025
11	Phụ biểu 03	So sánh chỉ tiêu sử dụng đất 2025 và chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030 huyện Ba Bè